



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI
KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

— KHAI PHÁ TIỀM NĂNG —
KHAI SINH GIÁ TRỊ



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **2014**
www.pvgasd.com.vn



1. GIỚI THIỆU PV GAS D

04

- 06 Thông điệp Chủ tịch HĐQT
- 08 Thông tin khái quát
- 10 Quá trình hình thành và phát triển
- 12 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 14 Sơ đồ cơ cấu, bộ máy tổ chức
- 16 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 18 Giới thiệu Ban Điều hành
- 20 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 22 Định hướng phát triển
- 24 Rủi ro

2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2014

26

- 28 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 31 Tổ chức và nhân sự
- 36 Tình hình đầu tư
- 38 Tình hình tài chính
- 40 Cơ cấu cổ đông

5. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

60

- 62 Báo cáo của Ban Giám đốc
- 64 Báo cáo của Kiểm toán độc lập
- 66 Bảng cân đối kế toán
- 68 Báo cáo kết quả hoạt động SXKD
- 69 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 70 Thuyết minh báo cáo tài chính

3. BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

42

- 44 Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc
- 50 Báo cáo Hội đồng Quản trị

6. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

94

- 96 Văn hóa doanh nghiệp và trách nhiệm cộng đồng
- 100 Phát triển bền vững

4. QUẢN TRỊ CÔNG TY

52

- 54 Hội đồng Quản trị
- 56 Ban Kiểm soát
- 58 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

GIỚI THIỆU PV GAS D

- 06 Thông điệp Chủ tịch HĐQT
- 08 Thông tin khái quát
- 10 Quá trình hình thành và phát triển
- 12 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 14 Sơ đồ cơ cấu, bộ máy tổ chức
- 16 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 18 Giới thiệu Ban Điều hành
- 20 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 22 Định hướng phát triển
- 24 Rủi ro



VỚI CÁCH LÀM QUYẾT
LIỆT VÀ MẠNH MẼ,
ĐẾN NAY PV GAS D ĐÃ
NẮM BẮT VÀ LÀM CHỦ
ĐƯỢC CÔNG NGHỆ,
HOÀN TOÀN CHỦ ĐỘNG
TRONG ĐẦU TƯ, VẬN
HÀNH, KHAI THÁC HỆ
THỐNG PHÂN PHỐI
KHÍ THẤP ÁP.



Tổng doanh thu 2014
6.965
TỶ ĐỒNG
đạt 101,95% kế hoạch

Kính thưa Quý Cổ đông, các Nhà đầu tư, Đối tác, Khách hàng

cùng toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam!

Kiên định với mục tiêu và định hướng chiến lược, tầm nhìn và sứ mệnh trong mọi hoạt động, chúng tôi tự hào đã tạo dựng được một nền tảng vững chắc, một lộ trình phát triển rõ nét và đầy triển vọng cho PV GAS D trong tương lai. Từ những ngày đầu thành lập trải qua nhiều khó khăn, đến nay PV GAS D đã khẳng định được thương hiệu của mình trên lĩnh vực phân phối khí tự nhiên, được khách hàng tin nhiệm và trở thành nhà phân phối khí thấp áp cho các khu công nghiệp lớn nhất Việt Nam. Với cách làm quyết liệt và mạnh mẽ, đến nay PV GAS D đã nắm bắt và làm chủ được công nghệ, hoàn toàn chủ động trong đầu tư, vận hành, khai thác hệ thống phân phối khí thấp áp.

Năm 2014, tình hình kinh tế trong nước tuy có dấu hiệu phục hồi nhưng vẫn ở mức khiêm tốn và còn nhiều khó khăn do vẫn còn chịu ảnh hưởng của giai đoạn khủng hoảng kéo dài trước đây, sức cầu của thị trường vẫn còn quá yếu sẽ hạn chế phần nào tốc độ tăng trưởng nền kinh tế nói chung và của ngành công nghiệp nói riêng. Riêng đối với thị trường nhiên liệu, do những biến động lớn của nền kinh tế, chính trị thế giới, hiện nay giá nhiên liệu dầu FO, LPG đang ở mức thấp nhất trong 5 năm qua và vẫn đang tiếp tục diễn biến phức tạp, tác động không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp và PV GAS D cũng không nằm ngoài sự ảnh hưởng đó.

Đối mặt với những khó khăn, thách thức đó, Hội đồng Quản trị cùng với Ban Điều hành đã có nhiều định hướng chiến lược sáng suốt kịp thời và đề ra những biện pháp hiệu quả để đưa Công ty vượt qua thử thách. Cùng với sự tin tưởng của khách hàng, sự phấn đấu không ngừng của cán bộ công nhân viên, tập thể PV GAS D đã đạt được những thành quả đáng kể: doanh thu là 6.964,94 tỷ đồng,

đạt 101,95% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế là 213,81 tỷ đồng, đạt 113,13% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế là 165,49 tỷ đồng, đạt 112,58% kế hoạch; thu nhập bình quân của người lao động năm 2014 là 27,3 triệu đồng/người/tháng. Nhìn chung, trong năm qua Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, kết quả này là thành tích không nhỏ ghi nhận một năm hoạt động thành công của PV GAS D. Với đà phát triển này, tôi tin rằng tập thể PV GAS D sẽ vượt qua được những khó khăn hiện thời và phát triển ngày một vững mạnh. Việc xác định tầm nhìn và sứ mệnh rõ ràng cùng kết quả đạt được trong những năm qua, chúng tôi khẳng định rằng PV GAS D sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ và bền vững trong những năm tiếp theo và tiếp tục trở thành "Nhà phân phối khí thấp áp hàng đầu cho các Khu công nghiệp tại Việt Nam".

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam, tôi xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến các cơ quan ban ngành, sự tin tưởng và ủng hộ của quý cổ đông và các nhà đầu tư. Đặc biệt, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc đến toàn thể cán bộ công nhân viên, những người đã gắn bó, đoàn kết và đồng hành trên mọi bước đường phát triển của Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam.

Trân trọng kính chào!

Nguyễn Văn Sơn

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	0304998686 đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 25/11/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
Vốn điều lệ	600.000.000.000 VNĐ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	600.000.000.000 VNĐ
Trụ sở chính	
Địa chỉ	Lầu 7, Tòa nhà PV Gas Tower, số 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, TP.HCM, Việt Nam
Số điện thoại	08.3784.0445
Fax	08.3784.0446
Chi nhánh CTCP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam – Xí nghiệp phân phối khí thấp áp Vũng Tàu	
Địa chỉ	Số 61B đường 30/04, Phường Thắng Nhất, TP. Vũng tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.
Chi nhánh CTCP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam – Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Nhơn Trạch	
Địa chỉ	Đường D3, Khu Công nghiệp Vinatex Tân Tạo, xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
Chi nhánh CTCP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Miền Bắc	
Địa chỉ	Khu Công nghiệp Tiên Hải, xã Đông Cơ, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình.
Người đại diện theo pháp luật	Ông Trần Thanh Nam – Giám đốc
Website	www.pvgasd.com.vn
Mã cổ phiếu	PGD
Niên yết tại	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh



TIỀN THÂN

Công ty Cổ phần Phân phối Khí Thấp áp Dầu khí Việt Nam (PV GAS D) tiền thân là Xí nghiệp Kinh doanh Khí thấp áp Vũng Tàu, được phê duyệt phương án thành lập theo nghị quyết số 1109/QĐ-DKVN, ngày 12/4/2007 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam

NGÀY 23/05/2007

PV GAS D được thành lập theo giấy phép số 4103006815 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/05/2007, với vốn điều lệ là: 330.000.000.000 đồng. Trên cơ sở góp vốn của các cổ đông:

- » Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên (18% vốn điều lệ);
- » Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (17% vốn điều lệ);
- » Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (15% vốn điều lệ);
- » Công ty cổ phần Thương mại Tổng hợp tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (10% vốn điều lệ);
- » CBCNV của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên, Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam, Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc và Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu Khí Việt Nam (nắm 40% vốn điều lệ).

NGÀY 29/03/2010

Đại hội đồng cổ đông của PV GAS D ra Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/10 thông qua nội dung tiếp tục thực hiện Nghị quyết 03/NQ-ĐHĐCĐ/09 về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty từ 330 tỷ đồng lên 429 tỷ đồng trong năm 2010 với số lượng phát hành thêm là 9,9 triệu cổ phần.

TỪ QUÝ IV NĂM 2010

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần đã thực hiện cơ cấu lại danh mục thông qua thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần CTCP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam từ Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam, Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc và khớp lệnh để nâng tỷ lệ sở hữu lên 50,5% vốn điều lệ.

NGÀY 16/12/2010

Quyết định số 266/2010/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM về việc chấp thuận niêm yết bổ sung 9.862.230 cổ phiếu PGD phát hành thêm và số lượng cổ phiếu này được chính thức giao dịch vào ngày 24/12/2010.

NGÀY 16/01/2014

Đại hội đồng cổ đông của PV GAS D ra Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ/2013 thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty từ 429 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng với số lượng phát hành thêm là 17,1 triệu cổ phần.

NGÀY 08/09/2014

Quyết định số 337/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM về việc chấp thuận thay đổi niêm yết cổ phiếu PGD do phát hành thêm 17.100.000 cổ phiếu và số lượng cổ phiếu này được chính thức giao dịch vào ngày 19/09/2014.

2007 – 2009: KHỞI ĐẦU

NGÀY 19/12/2008

Thay đổi về cổ đông sáng lập lần 1: Đại Hội đồng cổ đông PV GAS D ra Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ thông qua việc tách một phần cổ phần của Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho: Công ty TNHH Minh Thành (3,29%), Công ty Cổ phần Thương mại Kinh Thành (2,45%), Công ty Cổ phần Đầu tư Phương Mai (2%).

NGÀY 14/10/2009

Thay đổi về cổ đông sáng lập lần 2: Đại hội đồng cổ đông PV GAS D ra Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ thông qua việc chuyển nhượng 1.086.000 cổ phần (3,29%) của cổ đông sáng lập là Công ty TNHH Minh Thành cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín và theo Luật Doanh nghiệp của nước CHXHCNVN thì sau khi thực hiện mua cổ phần sáng lập, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín sẽ là một cổ đông sáng lập của PV GAS D.

NGÀY 19/11/2009

PV GAS D có được Quyết định Chấp thuận đăng ký niêm yết số 145/QĐSGDHCM do Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ chí Minh cấp.

NGÀY 26/11/2009

Cổ phiếu của PV GAS D chính thức được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với số lượng 33.000.000 cổ phiếu, mã chứng khoán là PGD.

NGÀY 31/03/2011

Quyết định số 35/2011/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM về việc chấp thuận niêm yết bổ sung 37.770 cổ phiếu PGD phát hành thêm và số lượng cổ phiếu này được chính thức giao dịch vào ngày 08/04/2011.

2009 – NAY: KHẲNG ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN

Vốn điều lệ của PV GAS D hiện là

600 TỶ ĐỒNG



CÁC SỰ KIỆN KHÁC

Thành lập chi nhánh trong năm 2014: Chi nhánh CTCP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam – Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Nhơn Trạch (tại Đường D3, Khu Công nghiệp Vinatex Tân Tạo, xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai)

Các hình thức khen thưởng năm 2014

- » Bằng khen của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- » Giấy khen Tập thể lao động xuất sắc của Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP;
- » Đề xuất khen thưởng Bằng khen Bộ Công thương cho phòng Kinh doanh và Đội Hỗ trợ Sản xuất trực thuộc Công ty.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

- » Kinh doanh vận chuyển khí thấp áp bằng đường ống; CNG; LNG.
- » Vận chuyển xăng, dầu, nhớt, các sản phẩm khí khô, LPG, CNG, LNG và các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu, khí;
- » Và các ngành nghề khác theo Giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần 09 của Công ty.

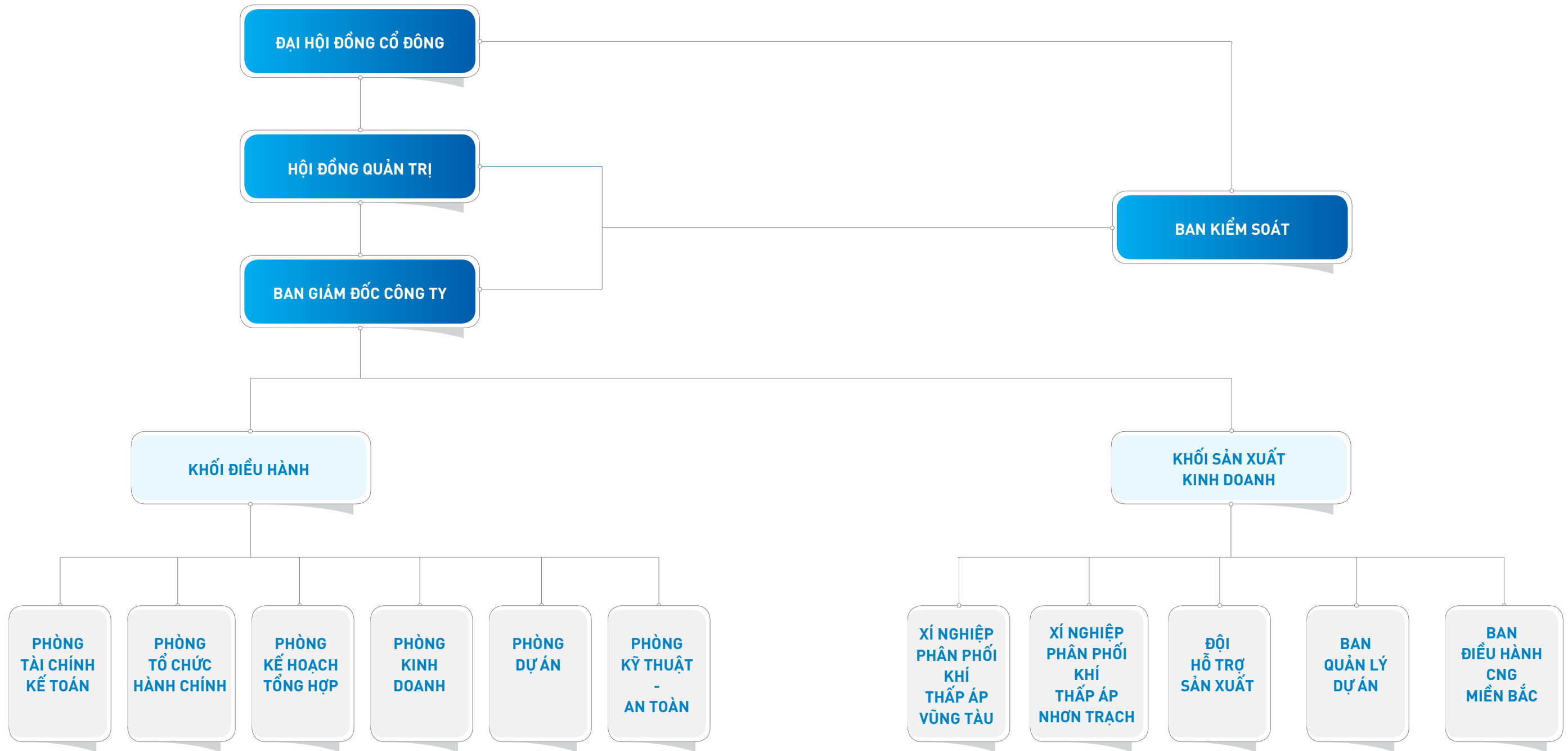
ĐỐI TÁC LỚN



ĐỊA BÀN KINH DOANH CHÍNH

- » Phú Mỹ - Mỹ Xuân - Gò Dầu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- » Khu Công nghiệp Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;
- » Khu Công nghiệp Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh;
- » Khu Công nghiệp Tiên Hải, Thái Bình;
- » Kinh doanh CNG khu vực Bắc Bộ.





CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: Không có.



Ông NGUYỄN VĂN SƠN
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế Ngoại thương
Sở hữu cổ phần:
92.987 cổ phần (tỷ lệ 0.155%)

Quá trình công tác:

Từ tháng 1/1996 – 3/1997: Chuyên viên phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm khí (PV GAS).

Từ tháng 3/1997 – 6/1997: Chuyên viên Ban quản lý Nam Côn Sơn Tổng Công ty Khí Việt Nam.

Từ tháng 7/1997 – 10/1998: Chuyên viên phòng Kinh doanh Tổng Công ty Khí Việt Nam.

Từ tháng 10/1998 – 4/2000: Tổ phó tổ tiêu thụ sản phẩm lỏng – Phòng Kinh doanh Tổng Công ty Khí Việt Nam.

Từ tháng 4/2000 – 6/2000: Đội phó đội bán lẻ Tổng Công ty Khí Việt Nam.

Từ tháng 6/2000 – 5/2007: Phó Giám đốc Xí nghiệp kinh doanh khí Miền Nam nay là Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam.

Từ tháng 5/2007 – 15/10/2014: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc PV GAS D.

Từ 15/10/2014 đến nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị PV GAS D.



Ông TRẦN THANH NAM
Thành viên Hội đồng Quản trị
kiêm Quyền Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Công nghệ Khoan - Khai thác dầu khí
Sở hữu cổ phần:
0 cổ phần (tỷ lệ 0%)

Quá trình công tác:

Từ 9/1999 – 5/2000: Nhân viên Phòng Nghiên cứu phát triển, Công ty TNHH Xây dựng, Thương mại và Sản xuất Lê Quang.

Từ 06/2000 – 12/2000: Trợ lý Giám đốc, Công ty Thương mại và Dịch vụ Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Từ 1/2001 – 4/2001: Kỹ sư đội cho thuê thiết bị Khoan, Xí nghiệp Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí biển, Công ty PTSC.

Từ 6/2001 – 6/2004: Chuyên viên Phòng Tổ chức - Hành chính, Công ty PDC.

Từ 6/2004 – 12/2004: Tổ trưởng Tổ Hành Chính, Công ty PDC.

Từ 1/2005 – 10/2005: Phó Phụ trách Phòng Kinh doanh, Xí nghiệp PDC Vũng Tàu, Công ty PDC.

Từ 10/2005 – 11/2005: Trưởng phòng kinh doanh Công ty PDC Xí nghiệp PDC Vũng Tàu, Công ty PDC.

Từ 11/2005 – 05/2007: Phó phòng, phụ trách phòng Kinh doanh Công ty PDC.

Từ 08/2006 – 05/2007: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty PDC.

Từ 06/2007 – 09/2007: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty CP KD Khí hóa lỏng Miền Nam (KMN).

Từ 10/2007 – 07/2011: Giám đốc chi nhánh Sài Gòn, Công ty KMN.

Từ 07/2011 – 07/2014: Phó Giám đốc KMN kiêm Giám đốc Chi nhánh Đồng Nai.

Từ 08/2014 – 10/2014: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty KMN.

Từ 10/2014 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Quyền Giám đốc PV GAS D



Ông PHẠM VĂN HUỆ
Thành viên Hội đồng Quản trị

Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Tài chính – Kế toán
Sở hữu cổ phần:
36.400 cổ phần (tỷ lệ 0,060%)

Quá trình công tác:

Từ tháng 2/1981 – 2/1982: Chuyên viên phòng Tài vụ, Ban Kiến thiết khu công nghiệp Dầu khí.

Từ tháng 2/1982 – 3/1984: Tham gia quân đội tại bộ đội biên phòng Vũng Tàu – Côn Đảo.

Từ tháng 4/1984 – 9/1986: Chuyên viên phòng Vật tư, Ban Quản lý công trình Dầu khí Vũng Tàu.

Từ tháng 10/1986 – 2/1988: Phó phòng Vật tư, Ban Quản lý công trình Dầu khí Vũng Tàu.

Từ tháng 3/1988 – 3/1993: Phó phòng Tài chính Kế toán, Công ty Khí đốt.

Từ tháng 4/1993 – 5/2001: Phụ trách phòng TC – KT, Ban Quản lý Dự án khí, Tổng Công ty Khí Việt Nam.

Từ tháng 6/2001 – 1/2003: Trưởng phòng TC-KT, Tổng Công ty Khí Việt Nam.

Từ tháng 1/2003 – 8/2006: Kế toán trưởng Tổng Công ty Khí Việt Nam.

Từ tháng 8/2006 – 8/2007: Trưởng Ban đổi mới doanh nghiệp, Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Khí Việt Nam.

Từ tháng 9/2007 đến 15/10/2014: Chủ tịch HĐQT PV GAS D.

Từ 15/10/2014 đến nay: Thành viên HĐQT PV GAS D.



Ông LÊ QUYẾT THẮNG
Thành viên Hội đồng Quản trị

Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Quản trị Kinh doanh Tổng hợp
Sở hữu cổ phần:
3.137 cổ phần (tỷ lệ 0,005%)

Quá trình công tác:

Từ tháng 12/1985 – 8/1989: Cán bộ Ngân hàng Nhà nước huyện Kỳ Anh, Hà Tĩnh.

Từ tháng 9/1989 – 9/2004: Cán bộ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh.

Từ tháng 9/2004 – 2/2010: Giám đốc phòng giao dịch Thạch Khê, Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh.

Từ tháng 3/2010 – 9/2010: Phó Giám đốc Phụ trách Nhà máy Bọc ống, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí.

Từ tháng 9/2010 – 4/2011: Giám đốc Nhà máy Bọc ống, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí.

Từ tháng 4/2011 – 4/2012: Phó Giám đốc Phụ trách Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí - Tổng Công ty Khí Việt Nam.

Từ tháng 4/2012 – 11/2013: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí - Tổng Công ty Khí Việt Nam.

Từ tháng 12/2013 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị PV GAS D.



Ông NGUYỄN NHƯ SONG
Thành viên Hội đồng Quản trị

Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Viễn Thông
Sở hữu cổ phần:
63.248 cổ phần (tỷ lệ 0,105%)

Quá trình công tác:

Từ tháng 3/1987 – 6/1993: Kỹ sư phụ trách Phòng Nghiên cứu, Xí nghiệp Liên doanh Sản xuất thiết bị Viễn Thông Việt Nam (VTC) – Tổng cục Bưu Điện.

Từ tháng 6/1993 – 6/1996: Trưởng phòng Nghiên cứu sản xuất tổng đài Trung tâm VTC1, Công ty thiết bị Điện thoại (VITECO), Tổng Công ty Bưu chính Viễn Thông Việt Nam (VNPT).

Từ tháng 6/1996 – 11/1999: Phó Giám đốc Trung tâm VTC1, Công ty Thiết bị Điện thoại.

Từ tháng 11/1999 – 4/2007: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Viễn Thông VTC.

Từ tháng 4/2007 – 4/2009: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Dược Hậu Giang; Thành viên HĐQT Công ty CP Chế biến hàng Xuất khẩu Long An.

Tháng 4/2009 – 4/2014: Thành viên HĐQT Công ty CP Dược Hậu Giang; Thành viên HĐQT Công ty CP Chế biến hàng Xuất khẩu Long An.

Từ 05/2012 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chế biến hàng Xuất khẩu Long An; Thành viên HĐQT Công ty CP Đá Núi Nhỏ; Thành viên Hội đồng Quản trị PV GAS D.



Ông TRẦN THANH NAM
Quyền Giám đốc

(Xem phần "Giới thiệu HĐQT" để biết thông tin về ông Trần Thanh Nam ở trang 18)



Ông NGUYỄN QUANG HUY
Phó Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế đối ngoại
Sở hữu cổ phần:
26.412 cổ phần (tỷ lệ 0,044%)
Quá trình công tác:
Từ tháng 12/1994 - 5/2007: Chuyên viên phòng Thương mại và phòng Dịch vụ & Thị trường - Xí nghiệp Liên doanh dầu khí Vietsovpetro.
Từ tháng 6/2007 đến nay: Phó Giám đốc PV GAS D.



Ông ĐINH NGỌC HUY
Phó Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Điện tử, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Sở hữu cổ phần:
0 cổ phần (tỷ lệ 0%)
Quá trình công tác:
Từ tháng 8/1996 - 9/1998: Chuyên viên Trung tâm vận hành khí thuộc Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm khí nay là Tổng Công ty Khí Việt Nam.
Từ tháng 10/1998 - 8/2001: Phó Quản đốc Nhà máy xử lý khí Dinh Cố - Tổng Công ty Khí Việt Nam.
Từ tháng 9/2001 - 10/2002: Phó Giám đốc Trung tâm vận hành khí tại Vũng Tàu.
Từ tháng 10/2002 - năm 2006: Phó Giám đốc Xí nghiệp chế biến khí - Tổng Công ty Khí Việt Nam.
Từ năm 2006 - 07/2007: Trưởng phòng Công nghệ thông tin - Tổng Công ty Khí Việt Nam.
Từ tháng 7/2007 đến nay: Phó Giám đốc PV GAS D.



Bà NGUYỄN PHƯƠNG THÚY
Kế Toán Trưởng

Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kế toán, Thạc sĩ Kinh tế
Sở hữu cổ phần:
31.895 cổ phần (tỷ lệ 0,053%)
Quá trình công tác:
Từ năm 1985 - 1988: Kế toán viên Phòng Tài chính - Kế toán Công ty Tổng hợp công nghệ phẩm thuộc Sở Thương nghiệp Hà Nội.
Từ năm 1988 - 1990: Kế toán viên Công ty Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu.
Từ năm 1990 - 1999: Kế toán Trưởng XN Dịch vụ Cung ứng vật tư hàng hóa thuộc Công ty Dịch vụ Dầu khí sau là Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí.
Từ năm 1999 - 2002: Công tác tại phòng Kinh doanh Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm khí nay là Tổng Công ty Khí Việt Nam.
Từ năm 2002 - 2005: Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Xí nghiệp Kinh doanh Khí thấp áp trực thuộc Tổng Công ty Khí Việt Nam.
Từ năm 2005 - 2007: Kế toán Trưởng Xí nghiệp Kinh doanh Khí thấp áp.
Từ tháng 7/2007 đến nay: Kế toán Trưởng PV GAS D.



Bà PHẠM THỊ THU HÀ
Trưởng Ban Kiểm soát

Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế toán
Sở hữu cổ phần:
16.000 cổ phần (tỷ lệ 0,027%)

Quá trình công tác:

Tháng 8/1994 – tháng 5/1998: Làm kế toán Công ty Lâm viên Cây xanh – TP. Vũng Tàu.

Tháng 6/1998 – tháng 7/1999: Phó phòng kế toán Công ty Lâm viên Cây xanh – TP. Vũng Tàu.

Tháng 8/1999 – tháng 6/2009: Kế toán trưởng Công ty Lâm viên Cây xanh – TP. Vũng Tàu.

Từ tháng 7/2009 – 31/8/2014: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng tại Công ty CP Phát triển Công viên cây xanh và Đô thị – Vũng Tàu.

Từ tháng 12/2014 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát PV GAS D



Bà ĐẶNG THỊ HỒNG YẾN
Thành viên Ban Kiểm soát

Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Tài chính kế toán các doanh nghiệp sản xuất, Cử nhân Ngoại ngữ - Tiếng Anh
Sở hữu cổ phần:
0 cổ phần (tỷ lệ 0%)

Quá trình công tác:

Từ năm 1995 - 2006: Chuyên viên Quản lý doanh nghiệp tại Cục Quản lý vốn và Tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp (sau này là Phòng Tài chính doanh nghiệp thuộc Sở Tài Chính tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

Từ năm 2006 – 06/2007: Kế toán tổng hợp Tổng công ty Khí Việt Nam.

Từ tháng 07/2007 đến nay: Kế toán tổng hợp Tổng công ty Khí Việt Nam kiêm Thành viên Ban Kiểm soát PV GAS D.



Bà NGUYỄN THỊ THU HÀ
Thành viên Ban Kiểm soát

Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp, Thạc sỹ Kinh tế
Sở hữu cổ phần:
7.470 cổ phần (tỷ lệ 0,012%)

Quá trình công tác:

Từ 2001 – 2005: Chuyên viên phòng Kinh tế - Kế hoạch Ban Quản lý Dự án cụm Khí -Điện - Đạm Cà Mau.

Từ tháng 7/2006 – 7/2008: Chuyên viên bộ phận Tư vấn tài chính doanh nghiệp Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt.

Từ tháng 12/2008 – 04/2012: Chuyên viên phòng Dự án PV GAS D.

Từ tháng 05/2012 đến nay: Chuyên viên phòng Dự án kiêm Thành viên Ban Kiểm soát PV GAS D.



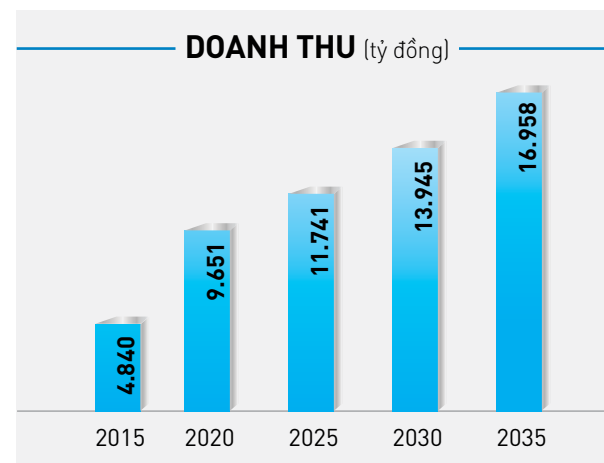
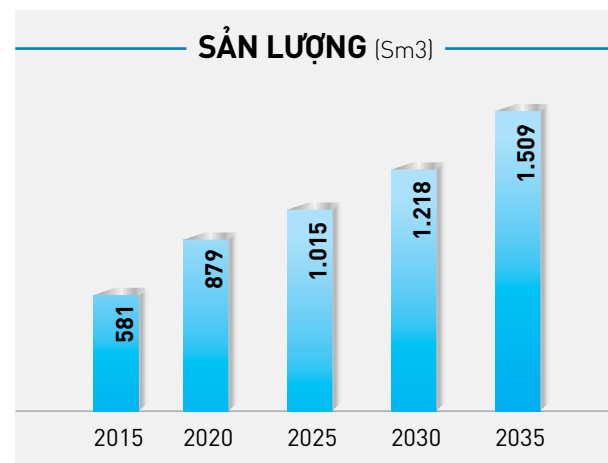
MỤC TIÊU CHÍNH TỪ 2015 - 2035

PV GAS D vẫn sẽ là nhà phân phối độc quyền Khí thấp áp trong cả nước;

Tiếp tục phát triển và mở rộng thị trường tiêu thụ khí, cụ thể KTA tiếp tục phát triển và mở rộng mạng lưới tiêu thụ khí tại các KCN Phú Mỹ - Mỹ Xuân - Gò Dầu, Nhơn Trạch, Hiệp Phước;

Đầu tư xây dựng, mở rộng thị trường mới tại các KCN Bình Dương, Đồng Nai, Cà Mau, Cần Thơ, Bắc Bộ và Miền Trung;

Mục tiêu sản lượng và doanh thu từ 2015 – 2035 như sau:



CHIẾN LƯỢC TỔNG THỂ TRUNG VÀ DÀI HẠN

VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY

Duy trì và phát huy hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 và hệ thống quản lý an toàn OHSAS 18001:1999.

Xây dựng và khai thác hiệu quả mạng thông tin điện tử trong quản lý điều hành và sản xuất kinh doanh.

VỀ PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC

Xây dựng chiến lược nhân sự trên cơ sở định hướng phát triển dài hạn nhằm hoàn thiện tính chuyên nghiệp trong công tác tổ chức và đảm bảo tính hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.



CUNG CẤP NGUỒN NHIÊN LIỆU SẠCH GÓP PHẦN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VÀ XU THẾ CHUNG CỦA THẾ GIỚI, BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG MỘT CÁCH BỀN VỮNG.

D chịu trách nhiệm quyết định, thẩm định đầu tư, đôn đốc, kiểm soát, hỗ trợ thực hiện, các đơn vị chủ động, tự chủ trong những lĩnh vực được giao.

Tham gia góp vốn đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực thu gom, vận chuyển, phân phối khí, LNG, CNG ...

VỀ TÀI CHÍNH

Xác định chính xác nhu cầu vốn từng thời kỳ, đảm bảo huy động vốn có hiệu quả phục vụ cho các dự án đầu tư phát triển, đáp ứng kế hoạch sản xuất kinh doanh theo hướng chủ động tài chính, bảo toàn và phát triển nguồn vốn.

Đa dạng hóa nguồn vốn, đa sở hữu các lĩnh vực hoạt động: huy động vốn các chủ sở hữu, các đối tác và vốn vay... nhằm đảm bảo nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

Tăng cường hiệu quả sử dụng vốn bằng các biện pháp như: đầu tư từng giai đoạn theo nhu cầu thị trường, lấy nguồn thu từ khấu hao, lợi nhuận để đầu tư phát triển, tối đa hóa công suất các công trình khí.

VỀ KINH DOANH

Đẩy mạnh công tác phát triển thị trường theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, đa dạng hóa hộ tiêu thụ nhằm gia tăng giá trị sử dụng khí.

Cung cấp cho khách hàng nguồn khí đảm bảo ổn định về chất lượng và số lượng với chính sách giá cả phù hợp với từng hộ tiêu thụ và đảm bảo lợi ích của các bên.

Có chính sách khuyến khích các hộ công nghiệp chuyển đổi từ tiêu thụ nguồn nhiên liệu truyền thống sang tiêu thụ nguồn Khí thấp áp.

Phát triển nhanh thị trường khí thấp áp, CNG, LNG tại khu vực miền Đông Nam, Tây Nam và Bắc Bộ đảm bảo tiêu thụ hết khí vào bờ và khí/LNG nhập khẩu do PV GAS giao.

VỀ SẢN XUẤT

Chú trọng đầu tư và ứng dụng ngay các thành tựu khoa học và quản lý tiên tiến để bắt kịp trình độ sản xuất kinh doanh của các nước tiên tiến.

Rà soát định mức sử dụng vật tư thiết bị, nguyên nhiên vật liệu nhằm giảm thiểu tối đa chi phí sản xuất, tăng hiệu quả kinh doanh.

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Cung cấp nguồn nhiên liệu sạch góp phần bảo vệ môi trường theo định hướng phát triển của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung của thế giới, bảo đảm thực hiện phát triển năng lượng một cách bền vững.

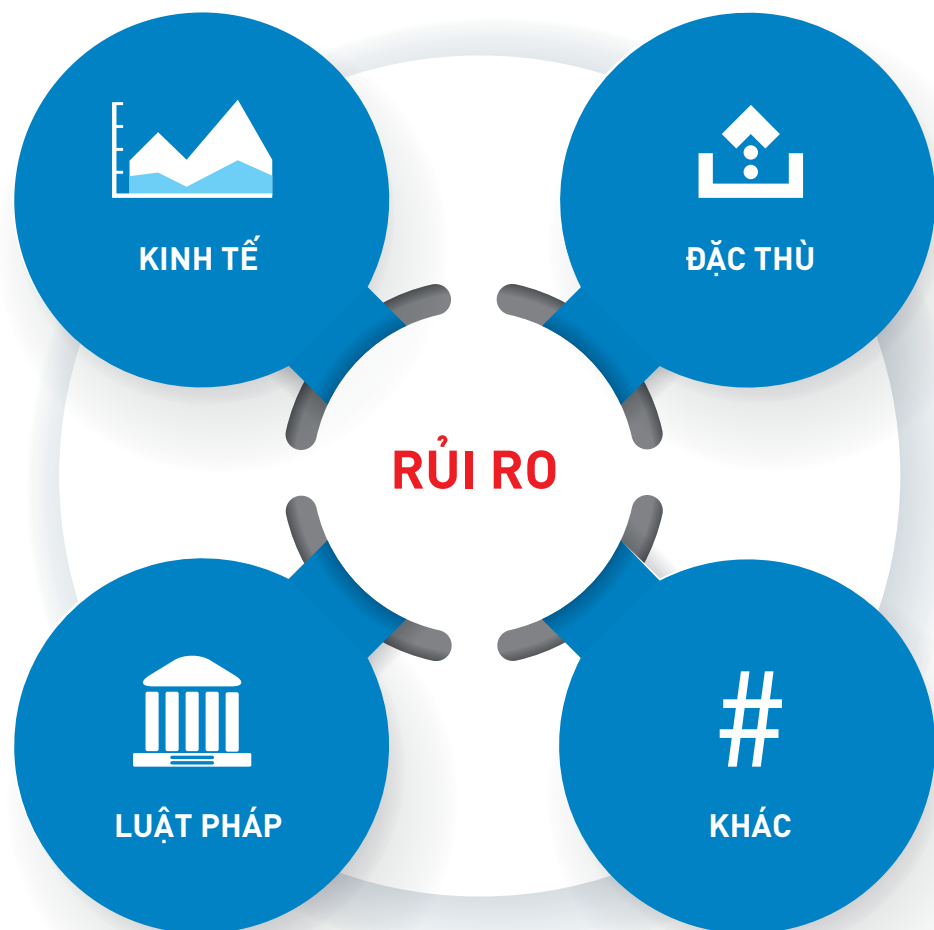
Việc đưa khí và các sản phẩm khí vào sử dụng rộng rãi và thông dụng trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng trên toàn quốc góp phần rất nhiều vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước, bảo vệ thiên nhiên, môi trường, nâng cao chất lượng, điều kiện sống cho toàn thể cộng đồng xã hội.

Xây dựng tinh thần đoàn kết, tác phong công nghiệp, tinh thần kỷ luật cao trong toàn thể đội ngũ CBCNV.

Tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện, hiện đại, khuyến khích và tạo điều kiện cho CBCNV học tập, nâng cao trình độ.

VỀ ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG

Xây dựng hệ thống phân định trách nhiệm phối hợp trong nội bộ PV GAS D, trong đó PV GAS



PV GAS D CHỊU ẢNH HƯỞNG TRỰC TIẾP TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ, KHAI THÁC DẦU KHÍ. VÌ VẬY, NẾU CÓ BIẾN ĐỘNG CỦA THỊ TRƯỜNG THĂM DÒ, KHAI THÁC DẦU KHÍ TRONG NƯỚC VÀ TRÊN THẾ GIỚI, SẼ TÁC ĐỘNG MẠNH TỚI NGUỒN KHÍ, GIÁ KHÍ ĐẦU VÀO CỦA PV GAS D.

RỦI RO VỀ KINH TẾ

Các nhân tố ảnh hưởng đến nền kinh tế bao gồm tốc độ tăng trưởng kinh tế, thị trường, lãi suất, lạm phát, tỷ giá hối đoái v.v... Nếu có sự biến động mạnh của các nhân tố trên sẽ ảnh hưởng đến nền kinh tế quốc gia. Năm 2014, tốc độ tăng trưởng GDP ước tính là 5,98% , mức tăng trưởng năm nay cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012 và mức tăng 5,42% của năm 2013 cho thấy dấu hiệu tích cực của nền kinh tế. Lạm phát năm 2014 tiếp tục được kiểm chế, chỉ số CPI 2014 tăng 4,09% so với năm trước, mức tăng khá thấp trong 10 năm trở lại đây. Điều này cho thấy mục tiêu kiểm soát lạm phát của Chính phủ tiếp tục được thực hiện thành công. Để đạt được mục tiêu kiểm soát lạm phát

trong năm qua Chính phủ, Thủ tướng chính phủ đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, quyết định để ổn định kinh tế vĩ mô, thực hiện các biện pháp kiểm chế lạm phát, cắt giảm đầu tư công nhằm ổn định nền kinh tế. Dẫn đến hàng loạt dự án đầu tư xây dựng, đặc biệt là các dự án bất động sản bị đình trệ, khối lượng xây dựng cũng như nhu cầu sử dụng các loại vật liệu xây dựng giảm. Điều này càng làm cho khách hàng của PV GAS D (các khu công nghiệp, khách hàng sản xuất gạch men, gốm sứ...) không tiêu thụ được sản phẩm, lượng hàng tồn kho cao, nhu cầu tiêu thụ khí thấp áp giảm, ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

RỦI RO ĐẶC THÙ

PV GAS D chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí. Vì vậy, nếu có biến động của thị trường thăm dò, khai thác dầu khí trong nước và trên thế giới, sẽ tác động mạnh tới nguồn khí, giá khí đầu vào của PV GAS D.

Bên cạnh đó, sản phẩm của Công ty là khí - là sản phẩm có nhiệt trị lớn, hiệu suất đốt cháy cao, rất dễ cháy nổ. Đó là một trong những rủi ro tiềm tàng gây thiệt hại lớn về tài sản, con người, môi trường, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, điều kiện về an toàn phòng chống cháy nổ đòi hỏi rất nghiêm ngặt. Để giảm thiểu rủi ro này ở mức thấp nhất, PV GAS D luôn chú trọng tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn kỹ thuật từ khâu thiết kế, chế tạo, xây dựng đến vận hành, bảo dưỡng và phòng chống cháy nổ.

RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Hoạt động của PV GAS D chịu sự ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản luật liên quan. Trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách, pháp luật sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của PV GAS D. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy...v.v.

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT
KINH DOANH TRONG NĂM 2014**

- 28 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 31 Tổ chức và nhân sự
- 36 Tình hình đầu tư
- 38 Tình hình tài chính
- 40 Cơ cấu cổ đông



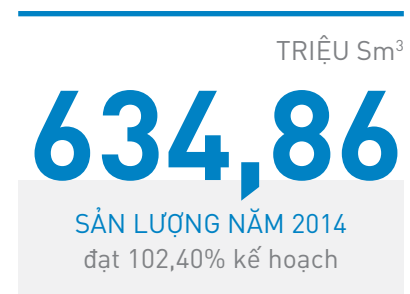


ĐƯỢC SỰ QUAN TÂM, HỖ TRỢ VÀ CHỈ ĐẠO SÁT SAO CỦA TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP (PV GAS), CÙNG SỰ ĐOÀN KẾT, QUYẾT TÂM CAO CỦA TẬP THỂ BAN LÃNH ĐẠO VÀ TOÀN THỂ CBCNV, CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC NHỮNG THÀNH QUẢ ĐÁNG KHÍCH LỆ, ĐÁNH DẤU MỘT NĂM HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ.



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2013	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2014	TH 2014/ TH 2013 (%)	TH 2014/ KH 2014 (%)
1	Sản lượng	Triệu Sm ³	618,55	634,86	620	102,64	102,40
2	Doanh thu (*)	Tỷ đồng	6.422,14	6.964,94	6.832	108,45	101,95
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	281,27	213,81	189	76,02	113,13
4	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	113,94	89,78	82	78,80	109,49
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	209,10	165,49	147	79,14	112,58
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn điều lệ	%	48,74%	27,58%	25%	56,59	1,10
7	Giá trị giải ngân ĐT và XDCB	Tỷ đồng	75,83	88,70	79,07	116,97	112,18

(*) Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐQT/2014 ngày 30/12/2014 điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch doanh thu năm 2014 là 6.832 tỷ đồng.

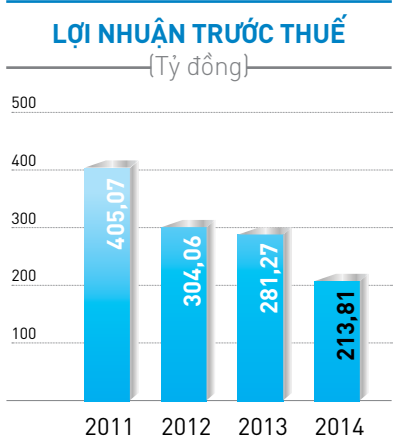
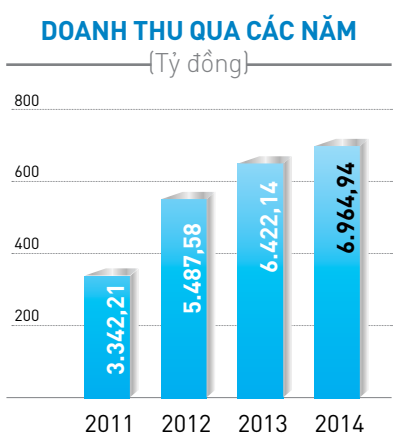


Năm 2014 tình hình thế giới diễn biến rất phức tạp, kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn so với dự báo; trong nước, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng kinh tế có bước phục hồi nhưng môi trường kinh doanh và năng suất, hiệu quả của nền kinh tế còn thấp.

Đối với thị trường nhiên liệu, năm 2014 là năm có nhiều biến động về giá, giá dầu thế giới giảm mạnh, tại thị trường Mỹ giá dầu giảm 60% từ mức 107 USD/thùng xuống quanh ngưỡng 50 USD/thùng, cùng với đó giá dầu và LPG trong nước cũng giảm khoảng 30%. Ngoài ra, các loại nhiên liệu giá rẻ khác như than, biomass... có trữ lượng lớn và ngày càng được sử dụng phổ biến.

Trong khi đó, giá khí mà Công ty bán cho khách hàng liên tục điều chỉnh tăng trong các năm qua dẫn đến giá thành sản phẩm của khách hàng tăng quá cao, khó cạnh tranh với các sản phẩm sử dụng nhiên liệu giá rẻ khác đặc biệt là sản phẩm gạch men,

TỶ ĐỒNG
213,81
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
đạt 113,13% kế hoạch



gốm sứ, làm cho khách hàng của Công ty không tiêu thụ được sản phẩm, lượng hàng tồn kho cao, nhu cầu tiêu thụ khí thấp áp giảm.

Với những khó khăn trên, được sự quan tâm, hỗ trợ và chỉ đạo sát sao của Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP (PV GAS), cùng sự đoàn kết, quyết tâm cao của tập thể Ban Lãnh đạo và toàn thể CBCNV, Công ty đã đạt được những thành quả đáng khích lệ, đánh dấu một năm hoạt động hiệu quả: sản lượng năm 2014 thực hiện 634,86 triệu Sm³, đạt 102,40% kế hoạch; doanh thu là 6.964,94 tỷ đồng, đạt 101,95% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế là 213,81 tỷ đồng, đạt 113,13% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế là 165,49 tỷ đồng, đạt 112,58% kế hoạch. Trong năm 2014, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, đặc biệt là các chỉ tiêu về lợi nhuận và nộp NSNN hoàn thành trước thời hạn từ 3 đến 4 tháng.

Tổng quan tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty qua các năm ở mức tương đối tốt. Doanh thu của Công ty có xu hướng tăng qua từng năm, cụ thể: năm 2011 là 3.342 tỷ, năm 2012 là 5.487 tỷ, năm 2013 là 6.422 tỷ, năm 2014 là 6.965 tỷ, nguyên nhân chủ yếu là do giá khí đầu ra tăng. Riêng về lợi nhuận lại có xu hướng giảm trong khi xu hướng doanh thu tăng, là do tỷ lệ % tăng giá khí

đầu ra thấp hơn tỷ lệ % tăng giá khí đầu vào. Những lý do trên làm cho tỷ trọng giá vốn hàng bán năm 2014 chiếm đến 92,99% doanh thu. Bên cạnh đó, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí khác năm 2014 đều tăng so với 2013, chi phí bán hàng năm 2014 tăng 27,1 tỷ đồng, tương ứng tăng 14,15% so với 2013; chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 5,94 tỷ đồng, tương ứng tăng 8,44% với năm 2013; chi phí khác tăng 722 triệu đồng, tương ứng tăng 318,08% năm 2013.

Về công tác kinh doanh và phát triển thị trường : Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển thị trường tại khu vực Nam Bộ, trong năm 2014 Công ty đã ký hợp đồng và cung cấp khí cho 06 khách hàng mới nâng tổng số khách hàng của Công ty lên 53 khách hàng. Bên cạnh đó, để chuẩn bị cho dự án Tiên Hải – Thái Bình dự kiến đi vào hoạt động vào đầu quý III/2015 Công ty đã chủ động tìm kiếm và phát triển khách hàng ngay từ đầu năm 2014 đến nay, Công ty đã ký kết hợp đồng mua bán khí thấp áp với 14 khách hàng tại KCN Tiên Hải - Thái Bình. Ngoài ra, Công ty đang tích cực tìm kiếm, đàm phán ký kết hợp đồng với khách hàng có nhu cầu sử dụng CNG khu vực Bắc Bộ, trong đó tập trung cung cấp CNG theo mô hình khí thấp áp thu nhỏ.



DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Trần Thanh Nam	Quyền Giám đốc (Thành viên HĐQT)
2	Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Giám đốc
3	Ông Đinh Ngọc Huy	Phó Giám đốc
4	Bà Nguyễn Phương Thúy	Kế Toán Trưởng

TÓM TẮT LÝ LỊCH THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

(Xem phần "GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH" để biết thông tin về các thành viên ở trang 20, 21)

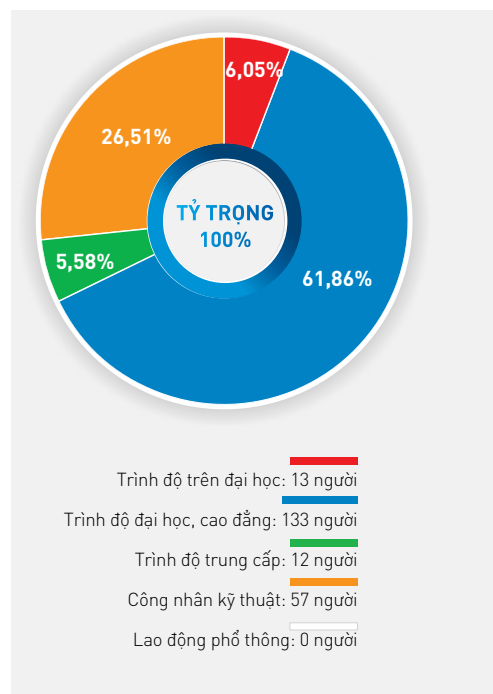
THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BĐH TRONG NĂM

STT	Họ và Tên	Chức vụ cũ	Chức vụ mới	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Văn Sơn	Giám đốc CTCP Phân phối Khí thấp áp	Chủ tịch HĐQT CTCP Phân phối Khí thấp áp	15/10/2014
2	Ông Trần Thanh Nam	Chủ tịch HĐQT CTCP KD Khí hóa lỏng Miền Nam	Quyền Giám đốc CTCP Phân phối Khí thấp áp	15/10/2014

Căn cứ theo Nghị quyết HĐQT số 28/NQ-HĐQT/2014 ngày 15/10/2014 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2014 ngày 30/12/2014.

THỐNG KÊ VỀ NHÂN SỰ

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	THEO TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG	215	100
1	Trình độ trên đại học	13	6,05
2	Trình độ đại học, cao đẳng	133	61,86
3	Trình độ trung cấp	12	5,58
4	Công nhân kỹ thuật	57	26,51
5	Lao động phổ thông	0	0
II	THEO LOẠI HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG	215	100
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	137	63,72
2	Hợp đồng thử việc	21	9,77
3	Hợp đồng xác định thời hạn từ 1-3 năm	57	26,51
III	THEO GIỚI TÍNH	215	100
1	Nam	161	74,88
2	Nữ	54	25,12



Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2013	Năm 2014	2014/ 2013
Tổng số lượng cán bộ/ nhân viên	người	171	215	125,73%
Thu nhập bình quân	Triệu đồng/người/tháng	27,57	27,30	99,02%

Hiện nay, số lượng cán bộ công nhân viên toàn Công ty là 215 người, trong đó trình độ người lao động tương đối cao trên 60% cán bộ nhân viên đạt trình độ đại học trở lên.

VỀ TUYỂN DỤNG

PV GAS D luôn đề cao năng lực của từng cán bộ nhân viên và chào đón những ứng viên muốn đóng góp và gắn bó lâu dài với Công ty, có kiến thức, năng lực trình độ cũng như tác phong làm việc chuyên nghiệp, năng động. Để thu hút nhân tài, PV GAS D có chính sách lương, thưởng rõ ràng, hợp lý, đặc biệt là đối với những nhân viên xuất sắc, có đóng góp lớn. Mặt khác, PV GAS D cũng luôn tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu pháp luật về

sử dụng người lao động, thực hiện đúng các tiêu chuẩn giờ làm việc.

Thường xuyên rà soát, sắp xếp, bố trí lao động phù hợp tình hình sản xuất kinh doanh; tuyển dụng lao động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty. Xây dựng, phát triển nguồn lực trẻ, năng động, sáng tạo, tâm huyết để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

215 NGƯỜI
Tổng số lượng cán bộ/ nhân viên

VỀ ĐÀO TẠO

PV GAS D rất coi trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên, luôn tạo môi trường học tập và phát triển nguồn nhân lực. PV GAS D thường xuyên mời các đơn vị tư vấn, các Công ty có chức năng để hướng dẫn, tập huấn những kiến thức cần thiết, giới thiệu và tổ chức CBCNV dự các lớp tập huấn, các khóa học ngắn hạn cũng như hỗ trợ học phí và thời

gian. Đối với một số vị trí chủ chốt, PV GAS D tài trợ học phí và những chi phí khác với những khóa học/chương trình phục vụ cho nhu cầu công việc. Công tác đào tạo là rất cần thiết giúp người lao động có điều kiện hoàn thiện vốn kiến thức của mình nhằm phục vụ cho sự phát triển lâu dài của PV GAS D.

Hàng năm PV GAS D lên kế hoạch nhu cầu đào tạo của từng

bộ phận, từng phòng ban, Ban Lãnh đạo xem xét để lựa chọn những chương trình phù hợp với mục tiêu đào tạo và hỗ trợ kinh phí. Các chương trình đào tạo xong phải được sự đánh giá chất lượng và báo cáo lên cho Ban Lãnh đạo. Đây cũng là một trong những yếu tố để dựa vào đó Ban Lãnh đạo xem xét để bật cũng như phân công công việc, chế độ lương bổng phù hợp với năng lực nhân viên. Cụ thể, năm 2014 PV GAS D đào tạo theo kế hoạch được 39 khóa học với 600 lượt người, tổng chi phí khoảng 2,23 tỷ đồng đạt 99,05% kế hoạch. Đặc biệt, Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nội bộ, coi đây là thế mạnh của Công ty với đội ngũ giảng viên là các cán bộ, kỹ sư có trình độ cao, luôn đáp ứng được yêu cầu về giảng dạy, hướng dẫn kỹ năng nghiệp vụ trong nội bộ Công ty.



BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NĂM 2014

TT	Các khóa đào tạo	Kế hoạch (triệu đồng)	Thực hiện (triệu đồng)	% Thực hiện / Kế hoạch
1	Đào tạo bồi dưỡng thường xuyên	1.582	1.683,5	106,41
-	Kế toán	30	28	93,33
-	Hành chính	136	130	95,59
-	Xây dựng	234	386	164,96
-	An toàn môi trường	340	332,3	97,74
-	Kỹ thuật - Công nghệ	402	389,78	96,96
-	Sản xuất - Vận hành - Bảo trì	440	417,4	94,86
2	Đào tạo các kỹ năng công tác	344	229,22	66,63
3	Đào tạo nội bộ	330	321,8	97,52
	TỔNG CỘNG	2.256	2.234,5	99,05

VỀ LƯƠNG THƯỜNG, PHÚC LỢI, ĐÃI NGỘ

Nghiên cứu đề xuất chính sách lương thưởng, phúc lợi thích hợp nhằm tạo điều kiện cho CBCNV ổn định đời sống, tinh thần, sức khỏe yên tâm làm việc để thu hút và phát triển nguồn lực có trình độ và kinh nghiệm gắn bó làm việc lâu dài với Công ty.

Ngoài các loại bảo hiểm bắt buộc theo quy định của Nhà nước, Công ty còn mua bổ sung các loại hình bảo hiểm tự nguyện khác cho người lao động như: Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe PVI Care, Bảo hiểm nhân thọ trả sau nhằm động viên khuyến khích người lao động gắn bó làm việc lâu dài. Bắt

đầu từ năm 2014 thực hiện mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho toàn thể người lao động trong Công ty nhằm bổ sung một phần thu nhập cho người lao động khi nghỉ hưu.

Bên cạnh đó, với chính sách và kinh phí của Công ty, Công đoàn thường xuyên tổ chức các hoạt động TDTT, giao lưu văn hóa với các Cơ quan, Đơn vị bạn. PV GAS D cũng thường xuyên tổ chức và đài thọ chi phí cho CBCNV toàn Công ty đi tham quan, du lịch, nghỉ mát ít nhất 1 lần/năm, tối thiểu 02 ngày/lần/năm.

VỀ MÔI TRƯỜNG CÔNG VIỆC

Các nhân viên được tiếp cận với môi trường làm việc hiện đại, công bằng, năng động và lành mạnh. Người lao động làm việc 8 tiếng/ngày hoặc làm theo ca 8 tiếng, tất cả các nhân viên đều có cơ hội được phát huy tối đa khả năng sáng tạo và vốn kiến thức hiểu biết. Các cuộc họp giao ban được diễn ra định kỳ để phổ biến công việc cũng như giải quyết kịp thời, nhanh chóng những vấn đề phát sinh. Ban Lãnh đạo Công ty chủ trương xây dựng hệ thống

thông tin hiệu quả, nhanh chóng, đảm bảo được tính trung thực, phổ biến, chính xác tạo môi trường làm việc hiệu quả phục vụ tốt cho công tác sản xuất, kinh doanh.

Những đóng góp, chia sẻ và cống hiến của cán bộ nhân viên trong Công ty đều được ghi nhận và đánh giá kịp thời.



PV GAS D CÓ CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỜNG RÕ RÀNG, HỢP LÝ, ĐẶC BIỆT LÀ ĐỐI VỚI NHỮNG NHÂN VIÊN XUẤT SẮC, CÓ ĐÓNG GÓP LỚN. MẶT KHÁC, PV GAS D CŨNG LUÔN TUÂN THỦ CHẶT CHẼ CÁC YÊU CẦU PHÁP LUẬT VỀ SỬ DỤNG NGƯỜI LAO ĐỘNG, THỰC HIỆN ĐÚNG CÁC TIÊU CHUẨN GIỜ LÀM VIỆC.





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TRONG NĂM 2014

Dự án "Hệ thống cấp khí thấp áp cho KCN Tiên Hải - Thái Bình" được Hội đồng Quản trị (HĐQT) PV GAS D ký quyết định phê duyệt dự án đầu tư vào tháng 8/2012, với tiến độ hoàn thành dự kiến vào quý IV/2013. Tuy nhiên, sau đó đơn vị điều hành và triển khai phát triển mỏ Thái Bình - Công ty TNHH PETRONAS (Việt Nam) thông báo điều chỉnh thành phần khí giao vào đường ống đầu vào, điều này làm ảnh hưởng lớn đến thiết kế công nghệ cũng như các chỉ tiêu tài chính của dự án, do đó PV GAS D phải điều chỉnh thiết kế cơ sở, tổng mức đầu tư, các chỉ tiêu tài chính và tiến độ triển khai dự án. Trên cơ sở thành phần khí đầu vào thay đổi nói trên, PV GAS D đã phối hợp với nhà thầu lập dự án đầu tư (Công ty Quản lý Dự án khí) điều chỉnh

thiết kế cơ sở, tổng mức đầu tư, và tính lại các chỉ tiêu tài chính. Sau khi đánh giá lại dự án, PV GAS D nhận thấy việc đầu tư vào dự án này vẫn mang lại hiệu quả kinh tế cao, nên ngày 08/04/2014 HĐQT PV GAS D đã ký quyết định số 08/QĐ-HĐQT phê duyệt Điều chỉnh dự án đầu tư và tiếp tục đầu tư dự án.

Tính đến hết năm 2014, PV GAS D đã hoàn thành lập QH, lập DADT, đo đạc phục vụ GPMB, đền bù GPMB phần trạm và tuyến, rà phá bom mìn vật nổ, mua Bảo hiểm xây dựng công trình. Từng bước thực hiện các gói thầu mua sắm, gói EPC (Thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình) và triển khai dịch vụ vận chuyển CNG cho các khách hàng miền Bắc.

DỰ KIẾN NĂM 2015

Trong năm 2015, Công ty sẽ hoàn thành xây dựng lắp đặt dự án Hệ thống cấp khí thấp áp cho KCN Tiên Hải - Thái Bình và dự kiến đưa vào vận hành cấp khí cho khách hàng vào đầu quý 3 năm 2015, đồng thời tiếp tục đầu tư xây dựng công trình mới thuộc dự án Hệ thống cấp khí thấp áp cho các KCN Nhơn Trạch giai đoạn 2. Tổng giá trị đầu tư năm 2015 dự kiến là 953,1 tỷ đồng và giá trị giải ngân là 674,1 tỷ đồng.

Tình hình đầu tư năm 2014 của công ty

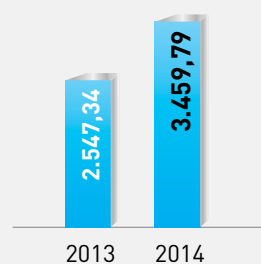
STT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Thời gian		Căn cứ	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	Công việc đã thực hiện 2014
			Kết chuyển	Hoàn thành					
I	DỰ ÁN NHÓM B					1428,6	73,6	83,2	
I.1	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP					1428,6	73,6	82,7	
1	Hệ thống phân phối khí thấp áp cho KCN Tiên Hải - Thái Bình	Thái Bình	2014	QII/15	Quyết định 08/QĐ-HĐQT ngày 04/08/2014	1.311,3	43,6	77	Hoàn thành công tác đền bù giải phóng mặt bằng, triển khai thực hiện các gói thầu dự án: mua sắm và thi công lắp đặt.
2	Hệ thống cấp khí thấp áp cho các KCN Nhơn Trạch GĐ 2	Đồng Nai	QI/12	QIV/17	Quyết định số 175/QĐ-KTA ngày 06/08/2010	117,3	30	5,7	Hoàn thành quyết toán, thanh lý HĐ của HT cấp KTA cho khách hàng Formosa; Thép Nhà Bè. Hoàn thành lắp đặt và quyết toán HT cấp KTA cho khách hàng Sam Hwan Vina.
I.2	DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ							0,5	
1	Hệ thống cấp khí thấp áp cho KCN Phú Mỹ 3	Phú Mỹ						0,5	
2	Cung cấp CNG cho phương tiện giao thông miền Bắc	Bắc Bộ							
II	MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ					14,8	5,5	5,5	
	TỔNG SỐ					1.443,40	79,10	88,70	

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

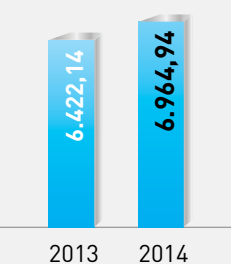
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	% tăng / giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	2.547.336.547.296	3.459.782.585.808	35,82
2	Doanh thu thuần	Đồng	6.422.140.174.796	6.964.936.213.409	8,45
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Đồng	281.484.718.009	214.404.197.065	-23,83
4	Lợi nhuận khác	Đồng	(214.603.949)	(594.794.605)	-177,16
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	281.270.114.060	213.809.402.460	-23,98
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	209.099.579.322	165.494.240.578	-20,85
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	61,55%		



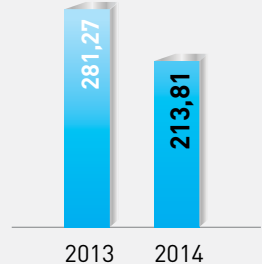
Tổng giá trị tài sản
(Tỷ đồng)



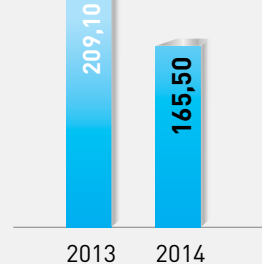
Doanh thu thuần
(Tỷ đồng)



Lợi nhuận trước thuế
(Tỷ đồng)



Lợi nhuận sau thuế
(Tỷ đồng)



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
-	Khả năng thanh toán ngắn hạn	1,39	1,35
-	Khả năng thanh toán nhanh	1,38	1,34
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
-	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	59,80%	66,40%
-	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	148,78%	197,62%
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
-	Vòng quay hàng tồn kho	576,30	470,41
-	Vòng quay tổng tài sản	2,79	2,32
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	3,26%	2,38%
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	20,71%	15,14%
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	9,10%	5,51%
-	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	4,38%	3,08%

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Các chỉ số về khả năng thanh toán của Công ty năm 2013, 2014 đều lớn hơn 1 thể hiện khả năng thanh toán ngắn hạn của doanh nghiệp trong tình trạng tốt. Năng lực tài chính tương đối tốt đủ để đáp ứng các nhu cầu thanh toán ngắn hạn.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Công ty có hệ số Nợ/Tổng tài sản có xu hướng tăng năm 2013 là 59,8% , năm 2014 là 66,4% , điều này cho thấy khả năng tự tài trợ cho hoạt động kinh doanh của Công ty ở mức tương đối. Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu cũng theo xu hướng tăng năm 2013 là 148,78%, năm 2014 là 197,62% chứng tỏ Công ty có xu hướng phụ thuộc vào hình thức huy động vốn bằng vay nợ.

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Hệ số vòng quay hàng tồn kho giảm, năm 2013 là 576,3 lần, năm 2014 là 470,41 lần, tốc độ quay vòng của hàng tồn kho thấp dần. Tỷ suất doanh thu thuần trên tổng tài sản bình quân năm 2013 là 2,79 lần, năm 2014 là 2,32 lần, tỷ số này cho thấy cứ mỗi đồng tài sản năm 2014 công ty được sử dụng thì tạo ra được 2,32 đồng doanh thu thuần.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Các chỉ số về khả năng sinh lời của công ty năm 2014 đều giảm so với năm 2013, cho thấy trong năm 2014 Công ty kinh doanh có lời nhưng giảm so với năm 2013.



CỔ PHẦN

TỔNG SỐ CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH
60.000.000
CỔ PHIẾU

- » Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 59.999.045 cổ phiếu
 - » Cổ phiếu quỹ: 955 cổ phiếu
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

THỐNG KÊ CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%/VĐL)
I	Cổ đông trong nước	1.947	56.329.519	563.295.190.000	93,8825
1	Cổ đông nhà nước	1	30.300.000	303.000.000.000	50,5000
2	Cổ đông tổ chức	51	1.637.785	16.377.850.000	2,7296
3	Cổ đông cá nhân	1.895	24.391.734	243.917.340.000	40,6529
II	Cổ đông nước ngoài	54	3.669.526	36.695.260.000	6,1159
1	Cổ đông tổ chức	19	3.234.518	32.345.180.000	5,3909
2	Cổ đông cá nhân	35	435.008	4.350.080.000	0,7250
III	Cổ phiếu quỹ	-	955	9.550.000	0,0016
	TỔNG CỘNG	2.001	60.000.000	600.000.000.000	100

CỔ ĐÔNG LỚN (trên 5% cổ phần có quyền biểu quyết)

(Ngày 26/11/2014)

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng (CP)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Khí Việt nam - CTCP (PVGas)	Toà nhà PVGAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp.HCM	30.300.000	303.000.000.000	50,5%
	TỔNG CỘNG		30.300.000	303.000.000.000	50,5%

CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

STT	Tên sáng lập viên	Địa chỉ	Số lượng CP	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Phương Mai	17 Đỗ Tấn Phong, P.9, Q.Phú Nhuận, Tp.HCM	660.000	6.600	2	Cổ phần phổ thông
2	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	Số 59 Quang Trung, P. Nguyễn Du, Q.Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội	4.950.000	49.500	15	Cổ phần phổ thông
3	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	Lầu 4, PetroVietnam Tower, số 1-5 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q.1	5.610.000	56.100	17	Cổ phần phổ thông
4	Công ty Cổ phần Thương mại Kinh Thành	Số 305/11 Nguyễn Trọng Tuyển, P.10, Q.Phú Nhuận, Tp.HCM	810.000	8.100	2,45	Cổ phần phổ thông
5	Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	47 Ba Cu, P.1, Tp.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	744.000	7.440	2,25	Cổ phần phổ thông
6	Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	Số 06-08 Phó Đức Chính, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM	1.086.000	10.860	3,29	Cổ phần phổ thông
7	Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	Tòa nhà Scetpa, số 19 Cộng Hòa, P.1, Q.Tân Bình, TP.HCM	5.940.000	59.400	18	Cổ phần phổ thông

(Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần thứ 09 ngày 25/11/2014)

Theo Luật doanh nghiệp, sau thời hạn ba năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình. Như vậy, tính đến thời điểm hiện nay, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực. Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 23/05/2007, đến nay đã được hơn 03 năm nên các cổ đông sáng lập không còn bị hạn chế chuyển nhượng.

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty trong năm 2014 có thay đổi do phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

Chỉ tiêu	ĐVT	Trước khi thay đổi	Thay đổi	Sau khi thay đổi	Lý do
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ đồng	429	171	600	Phát hành cổ phiếu

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Trong năm 2014, Công ty có thực hiện mua cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết HĐQT số 18/NQ-HĐQT/2014 với :

- **Số lượng:** 955 cổ phiếu
- **Giá mua cổ phiếu quỹ:** 10.000 đồng/cổ phiếu
- **Hình thức mua cổ phiếu quỹ:** mua cổ phiếu lẻ phát sinh từ đợt phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Và trả cho các cổ đông tương ứng bằng tiền mặt.

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC : Không có.

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

- 44 **BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**
- 44 Đánh giá chung kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 45 Tình hình tài chính
- 46 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 47 Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2015

- 50 **BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
- 50 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 50 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
- 51 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

**ĐÁNH GIÁ CHUNG
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
SẢN XUẤT
KINH DOANH**



**TRONG 6 THÁNG CUỐI
NĂM 2014 CÔNG TY HẦU
NHƯ KHÔNG TĂNG GIÁ
BÁN KHÍ NHẪM HỖ TRỢ
KHÁCH HÀNG TRONG
GIAI ĐOẠN KINH TẾ KHÓ
KHĂN VÀ MỞ RỘNG THỊ
TRƯỜNG THEO CHỦ
TRƯỞNG CỦA TẬP ĐOÀN
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Ban Giám đốc Công ty luôn ý thức trách nhiệm trong công tác quản lý, cố gắng hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao và triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị theo đúng định hướng và kế hoạch đã đề ra. Kết quả kinh doanh năm 2014, Công ty thực hiện hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch: doanh thu là 6.964,94 tỷ đồng, đạt 101,95% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế là 213,81 tỷ đồng, đạt 113,13% kế hoạch; nộp ngân sách nhà nước là 89,78 tỷ đồng, đạt 109,49% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế là 165,49 tỷ đồng, đạt 112,58% kế hoạch. Đặc biệt, lợi nhuận và nộp NSNN về đích trước thời hạn từ 3 đến 4 tháng, đồng thời trong 6 tháng cuối năm 2014 Công ty hầu như không tăng giá bán khí nhằm hỗ trợ khách hàng trong giai đoạn kinh tế khó khăn và mở rộng thị trường theo chủ trương của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại thông báo số 2103/TB-DKVN ngày 31/03/2014. Kết quả kinh doanh trong năm qua rất đáng được ghi nhận, đó là thành tích không nhỏ thể hiện sự cố gắng phấn đấu của tập thể PV GAS D.

NHỮNG TIẾN BỘ TRONG NĂM CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC

- » Mua Bảo hiểm Hưu trí tự nguyện cho CBCNV của Công ty nhằm bổ sung một phần thu nhập cho người lao động khi nghỉ hưu.
- » Ban hành các quy chế như: Quy chế dân chủ, Quy chế quản lý công tác đào tạo...
- » Được Viện Năng suất Việt Nam cấp chứng nhận về việc Thực hành tốt 5S (5S là công cụ cải tiến hệ thống quản lý tích hợp AT-CL-MT bắt nguồn từ Nhật bản và được áp dụng rộng rãi tại nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam).

TỔNG TÀI SẢN

3.460
TỶ ĐỒNG



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Chỉ tiêu	Năm 2013 (đồng)	Năm 2014 (đồng)	TH 2014/ TH 2013	Tỷ trọng 2013	Tỷ trọng 2014
Tài sản ngắn hạn	2.114.166.872.382	3.063.306.579.839	144,89%	83%	88,54%
Tài sản dài hạn	433.169.674.914	396.476.005.969	91,53%	17%	11,46%
Tổng tài sản	2.547.336.547.296	3.459.782.585.808	135,82%	100%	100%

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Chỉ tiêu	Năm 2013 (đồng)	Năm 2014 (đồng)	TH 2014/ TH 2013	Tỷ trọng 2013	Tỷ trọng 2014
Nợ ngắn hạn	1.523.403.462.792	2.272.875.391.316	149,20%	99,999%	98,94%
Nợ dài hạn	20.000.000	24.421.596.910	122107,98%	0,001%	1,06%
Tổng nợ phải trả	1.523.423.462.792	2.297.296.988.226	150,80%	100%	100%



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- » Thay đổi phương án đầu tư phần vận chuyển CNG của Dự án “Hệ thống phân phối Khí thấp áp cho KCN Tiên Hải – Tỉnh Thái Bình” từ mua sang thuê toàn bộ dịch vụ vận chuyển CNG trọn gói (bao gồm đầu kéo, rơ moóc và bồn chứa và dịch vụ vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, quản lý).
- » Nâng cấp Đội Vận hành Nhơn Trạch - Hiệp Phước thành Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Nhơn Trạch nhằm mở rộng quy mô và nâng cao năng lực quản lý.
- » Thực hiện Chương trình hành động về Thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Kết quả là Công ty đã thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014, đồng thời tiết kiệm tiết giảm được hơn 42 tỷ đồng.
- » Bên cạnh đó, Công ty luôn sử dụng tối đa các dịch vụ trong nội bộ ngành, cụ thể: Sử dụng 100% dịch vụ của ngành đối với các dự án ĐTXDCB và sử dụng các dịch vụ khác như: thuê xe ô tô, bảo hiểm, ủy thác quản lý vốn, quản lý cổ đông...

CÔNG TY ĐÃ THỰC HIỆN HOÀN THÀNH VÀ HOÀN THÀNH VƯỢT MỨC HẦU HẾT CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2014, ĐỒNG THỜI TIẾT KIỆM TIẾT GIẢM ĐƯỢC HƠN 42 TỶ ĐỒNG.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2015

MỤC TIÊU

Năm 2015, dự báo tình hình kinh tế thế giới sẽ có sự phục hồi tích cực hơn năm 2014, song vẫn còn nhiều yếu tố rủi ro và chưa vững chắc, trong khi đó sự biến động khó dự báo của giá dầu là yếu tố tiềm ẩn ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Về định hướng,

Công ty sẽ điều chỉnh giá khí đầu ra cho năm 2015 phù hợp với thị trường theo tương quan với giá dầu thô, vì vậy PV GAS D xây dựng kế hoạch doanh thu và các chỉ tiêu tài chính dựa trên kịch bản thận trọng cho dự báo giá dầu về ngưỡng 60 USD/thùng nhằm đảm bảo ổn định

kinh doanh và mức lợi nhuận hợp lý. Cụ thể, với chỉ tiêu kế hoạch doanh thu năm 2015 là 4.840,7 tỷ đồng bằng 69,50% so với cùng kỳ năm trước để đảm bảo an toàn hiệu quả hoạt động khi giá dầu biến động lớn, đồng thời vẫn đảm bảo các nhiệm vụ kinh tế cho năm tài chính 2015.

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2015

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	KH 2015/ TH 2014
1	Sản lượng	Triệu Sm ³	628,74	581,39	92,47%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	6.964,94	4.840,7	69,50%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	213,81	129,2	60,43%
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	89,78	86,5	96,35%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	165,49	100,8	60,91%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn điều lệ	%	27,58%	16,8%	60,91%
7	Giá trị giải ngân ĐTXD	Tỷ đồng	88,70	674,07	759,94%



Lao động, tiền lương, thu nhập: Năm 2015, Công ty dự kiến số lao động bình quân trong kỳ là 221 người, thu nhập bình quân 29,88 triệu đồng/người/ tháng.

Về công tác đào tạo: để nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn cho CBCNV, đặc biệt là cho bộ phận vận hành hệ thống khí thấp áp Tiên Hải - Thái Bình, Công ty sẽ tổ chức 32 khóa đào tạo với 333 lượt người, kinh phí dự kiến là 2,2 tỷ đồng.

Kế hoạch Bảo hộ lao động: Năm 2015 Công ty dự kiến thực hiện 38 đầu việc với chi phí khoảng 9,25 tỷ đồng.

CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG 2015

581,39
Triệu Sm³

NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH CHỦ YẾU

Hoàn thành đầu tư xây dựng Dự án hệ thống phân phối khí thấp áp cho KCN Tiên Hải – Thái Bình phù hợp theo tiến độ chung của dự án thu gom khí Hàm Rồng – Thái Bình (lô 102 -106) của PV GAS.

Vận hành an toàn và tổ chức phân phối hết sản lượng khí thấp áp và CNG được giao tại thị trường Bắc Bộ.

Tích cực tìm kiếm khách hàng mới để duy trì và tăng sản lượng khí thấp áp tại thị trường Nam Bộ.

Tiếp tục thực hiện đàm phán giá bán khí cho khách hàng để tiếp cận giá khí thế giới trên cơ sở cạnh tranh với nhiên liệu khách hàng đang sử dụng.

Thực hiện giám sát và đánh giá đầu tư theo quyết định số 179/QĐ-KVN ngày 05/09/2014 về việc ban hành quy trình thực hiện giám sát và đánh giá trực tiếp dự án đầu tư của PV GAS.

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Để thực hiện thành công mục tiêu kế hoạch năm 2015, Ban Giám đốc đã đề ra các giải pháp cụ thể sau:

Giải pháp về tổ chức

- » Thành lập Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Miền Bắc để tiếp quản và vận hành Hệ thống phân phối khí thấp áp cho KCN Tiên Hải - Thái Bình sau khi dự án này hoàn thành.
- » Tăng cường công tác tuyển dụng cán bộ kinh doanh, cán bộ kỹ thuật nòng cốt, đồng thời phân cấp mạnh hơn cho các đơn vị để chủ động trong công tác kinh doanh.
- » Giao chỉ tiêu kế hoạch SXKD cho các xí nghiệp trực thuộc.

Giải pháp về sản xuất

- » Vận hành hệ thống cấp khí đúng quy trình, cấp khí liên tục cho khách hàng.
- » Thực hiện công tác sửa chữa đột xuất kịp thời và bảo dưỡng sửa chữa định kỳ đúng tiến độ, quy trình kỹ thuật.

Giải pháp về kinh doanh

- » Hỗ trợ khách hàng kịp thời, hiệu quả để khách hàng có thể tăng sản lượng khí tiêu thụ.
- » Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường, phân tích, đánh giá nhu cầu của khách hàng để mở rộng thị trường.
- » Phối hợp chặt chẽ với PV GAS để đảm bảo nguồn khí cấp cho khách hàng.

Giải pháp về an toàn

- » Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý tích hợp AT-CL-MT theo tiêu chuẩn ISO 9001, ISO14001, OHSAS 18001.
- » Tăng cường công tác tuần tra an ninh, an toàn hành lang tuyến ống dẫn khí và tuyên truyền sâu rộng trong dân.

Giải pháp về đầu tư, xây dựng

- » Theo dõi, đôn đốc và giám sát chặt chẽ việc thực hiện các hợp đồng đầu tư xây dựng cơ bản.

Giải pháp về tài chính

- » Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, tích cực thu hồi công nợ của khách hàng, không để tình trạng nợ xấu, nợ khó đòi phát sinh.
- » Chủ động, tích cực thu xếp vốn cho các dự án.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

VIỆC XÁC ĐỊNH TẦM NHÌN VÀ SỨ MỆNH RÕ RÀNG CÙNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NHỮNG NĂM QUA, PV GAS D SẼ TIẾP TỤC TĂNG TRƯỞNG MẠNH MẼ VÀ BỀN VỮNG TRONG NHỮNG NĂM TIẾP THEO VÀ TIẾP TỤC TRỞ THÀNH "NHÀ PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP HÀNG ĐẦU CHO CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TẠI VIỆT NAM".

Nhìn chung, trong năm qua Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, kết quả đạt được với doanh thu là 6.964,94 tỷ đồng, đạt 101,95% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế là 213,81 tỷ đồng, đạt 113,13% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế là 165,49 tỷ đồng, đạt 112,58% kế hoạch; thu nhập bình quân của người lao động năm 2014 là 27,3 triệu đồng/người/tháng là thành tích không nhỏ, ghi nhận một năm hoạt động thành công của PV GAS D. Việc xác định tầm nhìn và sứ mệnh rõ ràng cùng kết quả đạt được trong những năm qua, PV GAS D sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ và bền vững trong những năm tiếp theo và tiếp tục trở thành "Nhà phân phối khí thấp áp hàng đầu cho các Khu công nghiệp tại Việt Nam".

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm 2014, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Thông qua các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đã báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của từng đơn vị và đề xuất các giải pháp, chính sách phù hợp với Hội đồng Quản trị để giải quyết những khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp. Ban Giám đốc cũng xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư và đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DỰ BÁO TÌNH HÌNH NĂM 2015

Với những khó khăn trong năm 2014 và dự báo sẽ tiếp tục trong những năm tới nên một số khách hàng lớn của Công ty đang cân nhắc tình hình thị trường và mặt bằng giá các loại nhiên liệu, có phương án chuyển đổi

sang sử dụng nhiên liệu khác, hoặc vận chuyển sản phẩm của các nhà máy khác từ các nước trong khu vực với chi phí nhiên liệu rẻ hơn về Việt Nam để phân phối và tiêu thụ. Tổng sản lượng các khách hàng đang dự kiến

chuyển đổi từ khí sang sử dụng nhiên liệu khác là khoảng hơn 150 triệu Sm³/năm, ảnh hưởng rất lớn đến việc hoàn thành sản lượng kế hoạch năm 2015 của Công ty.

KẾ HOẠCH NĂM 2015

Từ dự báo tình hình năm 2015, Hội đồng Quản trị đề ra các mục tiêu và định hướng kinh doanh trong năm 2015 như sau:

VỀ MỤC TIÊU KẾ HOẠCH

(Căn cứ dự báo tình hình năm 2015, các mục tiêu kế hoạch 2015 có giảm so với năm 2014)

SẢN LƯỢNG NĂM 2015	DOANH THU NĂM 2015	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
581,39 TRIỆU Sm ³	4.840,7 TỶ ĐỒNG	129,2 TỶ ĐỒNG
Bằng 92,47% năm 2014	Bằng 69,50% năm 2014	Bằng 60,43% năm 2014

Định hướng nhiệm vụ năm 2015

- » Hoàn thành đầu tư xây dựng Dự án hệ thống phân phối khí thấp áp cho KCN Tiên Hải – Thái Bình phù hợp theo tiến độ chung của dự án thu gom khí Hàm Rồng – Thái Bình (lô 102 -106) của PV GAS.
- » Vận hành an toàn và tổ chức phân phối hết sản lượng khí thấp áp và CNG được giao tại thị trường Bắc Bộ.
- » Tích cực tìm kiếm khách hàng mới để duy trì và tăng sản lượng khí thấp áp tại thị trường Nam Bộ.
- » Tiếp tục thực hiện đàm phán giá bán khí cho khách hàng để tiếp cận giá khí thế giới trên cơ sở cạnh tranh với nhiên liệu khách hàng đang sử dụng.
- » Thực hiện giám sát và đánh giá đầu tư theo quyết định số 179/QĐ-KVN ngày 05/09/2014 về việc ban hành quy trình thực hiện giám sát và đánh giá trực tiếp dự án đầu tư của PV GAS.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- 54 Hội đồng Quản trị
- 56 Ban Kiểm soát
- 58 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc





“HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÃ TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY NẮM VỮNG THÔNG TIN NHẪM ỨNG PHÓ VỚI NHỮNG BIẾN ĐỘNG BẤT THƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN DOANH NGHIỆP VÀ HẠN CHẾ TỐI ĐA NHỮNG TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC TỚI CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CÔNG TY, ĐỒNG THỜI ĐIỀU CHỈNH THÍCH ỨNG XU THẾ MỚI, DUY TRÌ ỔN ĐỊNH CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CÔNG TY VƯỢT QUA NHỮNG KHÓ KHĂN THÁCH THỨC.

Giám đốc nhằm đảm bảo việc thực thi đúng và đầy đủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.

- » Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2014;
- » Ban hành Quy chế quản lý công tác đào tạo, Quy chế dân chủ..., các Quyết định bổ nhiệm, thành lập chi nhánh để phục vụ công tác Quản trị được hệ thống và chặt chẽ;
- » Lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện đưa các hoạt động Sản xuất Kinh doanh Công ty PV GAS Ổn định phát triển vươn lên tầm cao mới.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CƠ CẤU HĐQT

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm từ 15/10/2014 (*)
2	Ông Trần Thanh Nam	Thành viên HĐQT kiêm Quyền Giám đốc	
3	Ông Phạm Văn Huệ	Thành viên HĐQT	
4	Ông Lê Quyết Thắng	Thành viên HĐQT	
5	Ông Nguyễn Như Song	Thành viên HĐQT	

(*) Căn cứ theo Nghị quyết HĐQT số 28/NQ-HĐQT/2014 ngày 15/10/2014 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2014 ngày 30/12/2014.

TÓM TẮT LÝ LỊCH HĐQT

(Xem phần “GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ” để biết thông tin về các thành viên ở trang 18, 19)

CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Công ty không có tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2014

Hội đồng Quản trị đã tập trung chỉ đạo Ban Điều hành Công ty nắm vững thông tin nhằm ứng phó với những biến động bất thường tác động đến doanh nghiệp và hạn chế tối đa những tác động tiêu cực tới các mặt hoạt động Công ty, đồng thời điều chỉnh thích ứng xu thế mới, duy trì ổn định các mặt hoạt động Công ty vượt qua những khó khăn thách thức.

Bên cạnh đó, HĐQT còn tập trung thảo luận, bàn bạc, phối

hợp cùng Ban Điều hành xử lý, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời chỉ đạo tình hình tài chính, điều chỉnh sách lược hợp lý trong từng thời điểm nhằm đưa ra những phương án kinh doanh hiệu quả nhất.

Hội đồng Quản trị đã tổ chức 38 buổi họp và ban hành 38 Nghị quyết trong năm 2014 (xem tại Phụ lục IV đính kèm) để thực hiện:

- » Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Ban Giám đốc. Hội đồng Quản trị có ý kiến chỉ đạo trực tiếp

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

HĐQT Công ty có 01 thành viên độc lập là: Ông Nguyễn Như Song. Trong năm 2014, các thành viên này đều tham gia đầy đủ đồng thời đóng góp những ý kiến tích cực vào các buổi họp của HĐQT.

HOẠT ĐỘNG CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Nguyễn Văn Sơn, Trần Thanh Nam, Phạm Văn Huệ, Lê Quyết Thắng, Nguyễn Như Song.

BAN KIỂM SOÁT



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC
LUÔN TẠO ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI ĐỂ BAN KIỂM SOÁT
HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ MÀ CỔ ĐÔNG ĐÃ GIAO PHÓ



CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Bà Phạm Thị Thu Hà	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm từ 30/12/2014 (*)
2	Bà Đặng Thị Hồng Yến	Thành viên	
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	

(*) Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2014 ngày 30/12/2014.

TÓM TẮT LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT

(Xem phần "GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT" để biết
thông tin về các thành viên ở trang 22)

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2014

Năm 2014, Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ vào các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc nhằm duy trì thường xuyên việc giám sát các hoạt động của Công ty. Các thành viên đã nghiêm chỉnh thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công và cũng thường xuyên trao đổi đánh giá tình hình hoạt động của Công ty để có ý kiến tham gia kịp thời.

Các hoạt động chính của Ban Kiểm soát trong năm 2014 bao gồm:

- » Giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các Cán bộ Quản lý khác trong Công ty;
- » Giám sát công tác kiểm toán nội bộ, đánh giá hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ của công ty;

- » Tiến hành kiểm tra kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2014;
- » Thực hiện một số công việc khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Điều lệ và pháp luật.

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM

Lần 1: Thực hiện công tác soát xét 6 tháng đầu năm 2014.

Lần 2: Thực hiện công tác soát xét cả năm 2014.

VỀ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA CÁC BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Ban Kiểm soát nhận thấy các thành viên Hội đồng Quản trị và Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ mà cổ đông đã giao phó. Trong năm 2014, theo đề nghị của Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát đã cùng tham gia các cuộc họp Hội đồng Quản trị để giám sát và có ý kiến trực tiếp tới các vấn đề thuộc quyền hạn của Ban Kiểm soát.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2014 ngày 28/04/2014 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2014 số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2014 ngày 30/12/2014, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua:

- » Tổng số tiền lương và thù lao điều chỉnh kế hoạch năm 2014 của HĐQT, BKS và Giám đốc Công ty năm 2014 là: 2.887.433.506 đồng. Trong đó, tổng số tiền lương và thù lao điều chỉnh kế hoạch năm 2014 của Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách năm 2014 là: 163.514.000 đồng.
- » Kế hoạch khen thưởng Ban Điều hành Công ty: 0,3 tỷ đồng.

Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao, khen thưởng cho các đối tượng nêu trên như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thực hiện 2014		Ghi chú
			Tổng số tiền	Lương, Thưởng từ quỹ lương	
1	Nguyễn Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT	878.425.090	878.425.090	Chuyên trách. Bổ nhiệm từ 15/10/2014
2	Phạm Văn Huệ	TV. HĐQT	885.585.000	885.585.000	Chuyên trách
3	Lê Quyết Thắng	TV. HĐQT	578.136.000	578.136.000	Chuyên trách
4	Cao Khánh Hưng	TV. HĐQT	30.000.000		Kiểm nhiệm. Miễn nhiệm từ 30/12/2014
5	Nguyễn Như Song	TV. HĐQT	36.000.000		Kiểm nhiệm
6	Nguyễn Quang Bá	Trưởng BKS	24.000.000		Kiểm nhiệm. Miễn nhiệm từ 30/12/2014
7	Phạm Thị Thu Hà	Trưởng BKS	-	-	Chuyên trách. Bổ nhiệm từ 30/12/2014
8	Đặng Thị Hồng Yến	TV. BKS	18.000.000		Kiểm nhiệm
9	Nguyễn Thị Thu Hà	P.Dự án kiểm TV. BKS	230.498.517	230.498.517	Kiểm nhiệm
10	Trần Thanh Nam	TV. HĐQT kiêm Giám đốc	187.877.455	187.877.455	Chuyên trách. Bổ nhiệm từ 15/10/2014
11	Đình Ngọc Huy	Phó Giám đốc	693.488.727	693.488.727	Chuyên trách
12	Nguyễn Quang Huy	Phó Giám đốc	693.488.727	693.488.727	Chuyên trách

Chức danh chuyên trách hoặc kiêm nhiệm hưởng lương tại PV GAS D thì không hưởng thù lao. Ngoài ra hàng năm có trích lập quỹ khen thưởng Ban Điều hành.

Các thành viên chuyên trách trong Ban điều hành được hưởng các quyền lợi về chế độ thưởng các dịp Lễ, Tết, tháng lương thứ 13, khen thưởng ... như các CB.CNV trong Công ty.



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Trong năm 2014, các cổ đông nội bộ có giao dịch cổ phiếu PGD, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Văn Sơn	CT.HĐQT	44.724	0,104%	92.987	0,155%	Thực hiện quyền mua của cổ đông và mua theo tiêu chuẩn CBCNV Công ty
2	Phạm Văn Huệ	TV.HĐQT	668	0,001%	36.400	0,060%	Thực hiện quyền mua của cổ đông và mua theo tiêu chuẩn CBCNV Công ty
3	Lê Quyết Thắng	TV.HĐQT	0	0%	3.137	0,005%	Mua theo tiêu chuẩn CBCNV Công ty
4	Nguyễn Như Song	TV.HĐQT	40.100	0,093%	63.248	0,105%	Thực hiện quyền mua của cổ đông và mua theo tiêu chuẩn CBCNV Công ty
5	Nguyễn Quang Huy	Phó Giám đốc Công ty	100	0,0002%	26.412	0,044%	Thực hiện quyền mua của cổ đông và mua theo tiêu chuẩn CBCNV Công ty
6	Đình Ngọc Huy	Phó Giám đốc Công ty	0	0%	0	0%	Mua theo tiêu chuẩn CBCNV Công ty 25.980 và đã bán do Chi tiêu cá nhân
7	Nguyễn Thị Thu Hà	TV.BKS	0	0%	7.470	0,012%	Mua theo tiêu chuẩn CBCNV Công ty
8	Đặng Thị Hồng Yến	TV.BKS	0	0%	0	0%	Mua theo tiêu chuẩn CBCNV Công ty 3000 và đã bán Chi tiêu cá nhân

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ: Không có.

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY: Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt công tác Quản trị công ty theo quy định quy chế Quản trị Công ty, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 62 Báo cáo của Ban Giám đốc
- 64 Báo cáo của Kiểm toán độc lập
- 66 Bảng cân đối kế toán
- 68 Báo cáo kết quả hoạt động SXKD
- 69 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 70 Thuyết minh báo cáo tài chính

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Huệ	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2014) Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2014)
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2014) Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2014)
Ông Trần Thanh Nam	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2014)
Ông Cao Khánh Hưng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2014)
Ông Nguyễn Như Song	Thành viên
Ông Lê Quyết Thắng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Sơn	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2014)
Ông Trần Thanh Nam	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2014)
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Giám đốc
Ông Đinh Ngọc Huy	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- » Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- » Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- » Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- » Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Thanh Nam
Giám đốc

Ngày 11 tháng 02 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Tel : +844 6288 3568
Fax : +844 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Số: /VN1A-HN-BC

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 02 năm 2015 từ trang 4 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0042-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 02 tháng 03 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Côn
Kiểm toán viên

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0891-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		3.063.306.579.839	2.114.166.872.382
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.963.089.393.092	927.255.755.668
1. Tiền	111		583.089.393.092	367.255.755.668
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.380.000.000.000	560.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.035.661.587.201	1.129.909.873.280
1. Phải thu khách hàng	131	6	983.126.075.572	1.114.048.441.560
2. Trả trước cho người bán	132	7	50.448.852.814	13.461.049.455
3. Các khoản phải thu khác	135	8	3.142.937.147	2.910.382.265
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.056.278.332)	(510.000.000)
III. Hàng tồn kho	140	9	16.383.710.632	11.153.961.998
1. Hàng tồn kho	141		16.383.710.632	11.153.961.998
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		48.171.888.914	45.847.281.436
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	2.492.223.245	3.405.970.098
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		45.663.665.669	41.869.826.538
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		16.000.000	571.484.800
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		396.476.005.969	433.169.674.914
I. Tài sản cố định	220		364.780.070.883	419.608.891.753
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	303.265.035.270	367.624.998.512
- Nguyên giá	222		471.612.156.274	487.103.923.108
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(168.347.121.004)	(119.478.924.596)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	46.673.242.725	46.981.273.171
- Nguyên giá	228		49.006.000.186	48.683.815.186
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.332.757.461)	(1.702.542.015)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	14.841.792.888	5.002.620.070
II. Tài sản dài hạn khác	260		31.695.935.086	13.560.783.161
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	27.864.458.051	10.729.306.126
2. Tài sản dài hạn khác	268		3.831.477.035	2.831.477.035
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.459.782.585.808	2.547.336.547.296

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2.297.296.988.226	1.523.423.462.792
I. Nợ ngắn hạn	310		2.272.875.391.316	1.523.403.462.792
1. Phải trả người bán	312	15	2.105.923.955.114	1.478.290.239.528
2. Người mua trả tiền trước	313		101.493.683.236	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	5.849.314.832	3.095.297.838
4. Phải trả người lao động	315		4.569.125.494	5.113.957.861
5. Chi phí phải trả	316	17	5.439.912.789	22.907.575.724
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	47.144.998.200	13.082.213.331
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.454.401.651	914.178.510
II. Nợ dài hạn	330		24.421.596.910	20.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	333		20.000.000	20.000.000
2. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	334	19	24.401.596.910	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400	20	1.162.485.597.582	1.023.913.084.504
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.162.485.597.582	1.023.913.084.504
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		600.000.000.000	429.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		153.050.000	-
3. Cổ phiếu quỹ	414		(9.550.000)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		435.355.922.837	420.022.582.837
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		42.896.731.029	42.896.731.029
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		12.450.000.000	12.450.000.000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		71.639.443.716	119.543.770.638
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		3.459.782.585.808	2.547.336.547.296

Lương Thị Kim Dung
Người lập biểu

Ngày 02 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Phương Thúy
Kế toán trưởng**Trần Thanh Nam**
Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 72 đến trang 95 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Các thuyết minh từ trang 72 đến trang 95 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	6.964.936.213.409	6.422.140.174.796
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		6.964.936.213.409	6.422.140.174.796
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	6.476.951.225.573	5.903.089.774.224
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		487.984.987.836	519.050.400.572
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	21.260.000.596	24.239.308.154
7. Chi phí bán hàng	24		218.557.072.994	191.459.825.477
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		76.283.718.373	70.345.165.240
9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-(24+25))	30		214.404.197.065	281.484.718.009
10. Thu nhập khác	31		354.350.743	12.421.871
11. Chi phí khác	32		949.145.348	227.025.820
12. Lỗ khác (40=31-32)	40		(594.794.605)	(214.603.949)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 40+30)	50		213.809.402.460	281.270.114.060
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	48.315.161.882	72.170.534.738
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		165.494.240.578	209.099.579.322
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	3.108	4.322

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	213.809.402.460	281.270.114.060
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	49.498.411.854	42.245.535.712
Các khoản dự phòng	03	546.278.332	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(21.260.000.596)	(24.239.308.154)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	242.594.092.050	299.276.341.618
Thay đổi các khoản phải thu	09	136.846.045.612	(114.978.216.187)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(5.229.748.634)	(1.821.722.881)
Thay đổi các khoản phải trả	11	734.788.205.383	497.942.871.920
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	(16.665.920.272)	(6.884.307.426)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(45.216.351.944)	(93.391.419.161)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(8.759.776.859)	(8.490.873.508)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.038.356.545.336	571.652.674.375
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(52.827.625.454)	(73.176.298.659)
2. Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.476.445.042	23.089.863.709
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(31.351.180.412)	(50.086.434.950)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	116.276.840.000	-
2. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(87.448.567.500)	(179.599.820.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	28.828.272.500	(179.599.820.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	1.035.833.637.424	341.966.419.425
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	927.255.755.668	585.289.336.243
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	1.963.089.393.092	927.255.755.668

Lương Thị Kim Dung
Người lập biểu

Ngày 02 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Phương Thúy
Kế toán trưởng

Trần Thanh Nam
Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 72 đến trang 95 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Lương Thị Kim Dung
Người lập biểu

Ngày 02 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Phương Thúy
Kế toán trưởng

Trần Thanh Nam
Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 72 đến trang 95 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103006815 ngày 23 tháng 5 năm 2007 và các giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 9 ngày 25 tháng 11 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 600.000.000.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGD.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần nắm giữ 50,5% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 191 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 171).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm kinh doanh và vận chuyển khí thấp áp bằng đường ống; mua bán khí công nghiệp (không mua bán gas tại thành phố Hồ Chí Minh), vật tư, máy móc, thiết bị hóa chất và phương tiện vận chuyển ngành dầu khí; tư vấn chuyển giao công nghệ; xây dựng công trình công nghiệp, hệ thống đường ống, kho bãi, trạm chiết phục vụ ngành dầu khí; mua bán, vận chuyển xăng, dầu nhớt, các sản phẩm khí khô, kinh doanh LPG, CNG, LNG và các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu, khí (không mua bán gas tại trụ sở Công ty); cung cấp dịch vụ hoán cải phương tiện vận tải (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở Công ty; không thiết kế phương tiện vận tải); mua bán, lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị chuyển đổi sử dụng khí cho phương tiện giao thông vận tải và máy móc - thiết bị ngành nông - lâm - ngư nghiệp; mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất; kinh doanh bất động sản; thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khai thác khoáng sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2014
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	3 - 6

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao trên cơ sở thời gian thực tế được cấp, quyền sử dụng đất không có thời hạn không phải trích khấu hao. Các phần mềm máy tính và tài sản

cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 5 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo dài hạn có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa bằng 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do không có các khoản chênh lệch trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	388.714.201	165.130.923
Tiền gửi ngân hàng	582.700.678.891	367.090.624.745
Các khoản tương đương tiền (*)	1.380.000.000.000	560.000.000.000
	1.963.089.393.092	927.255.755.668

(*): Số dư các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi bằng Việt Nam đồng có kỳ hạn từ 1 tuần đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại, lãi suất dao động từ 0,9% đến 5,6%/ năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan (*)	412.284.673.125	329.870.333.759
Phải thu các khách hàng khác	570.841.402.447	784.178.107.801
	983.126.075.572	1.114.048.441.560

(*): Xem chi tiết tại thuyết minh số 29.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	-	6.455.057.097
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2 (i)	4.811.281.851	4.986.702.672
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam (ii)	12.459.260.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu Khí biển PTSC (iii)	32.294.267.699	-
Khác	884.043.264	2.019.289.686
	50.448.852.814	13.461.049.455

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

(i) Ngày 17 tháng 01 năm 2011, Công ty đã ký Hợp đồng số 01/2011/PVGASD-PVC2/QLDA với Liên danh tổng thầu (EPC) đại diện là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2 về việc "Thiết kế - mua sắm vật tư thiết bị và thi công xây lắp công trình Trụ sở các Công ty PVAS D và PVGAS S tại Vũng Tàu", giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) tạm tính là 68.861.021.747 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư Công ty tạm ứng cho EPC (đại diện là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2) là 4.811.281.851 đồng.

(ii) Ngày 22 tháng 07 năm 2014, Công ty đã ký Hợp đồng số 48/2014/PVGAS D/Alpha-ECC với Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam về việc "Mua sắm thiết bị tách nước cho dự án Hệ thống phân phối khí thấp áp cho khu công nghiệp Tiên Hải - Thái Bình", giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) tạm tính là 24.918.520.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư Công ty đã tạm ứng cho Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Miền Nam là 12.459.260.000 đồng.

(iii) Ngày 25 tháng 07 năm 2014, Công ty đã ký Hợp đồng số 49/2014/PVGAS D/PTSC-PVE với liên doanh nhà thầu PTSC & PVE về việc "Thiết kế - cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình (EPC) cho dự án Hệ thống phân phối khí thấp áp cho khu công nghiệp Tiên Hải - Thái Bình", giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) tạm tính là 161.471.338.495 đồng, số dư Công ty đã tạm ứng cho liên doanh nhà thầu PTSC & PVE là 32.294.267.699 đồng.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	1.508.969.046	1.652.845.785
Phải thu tiền lãi dự thu	932.999.999	1.149.444.445
Phải thu về thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhân viên	16.824.602	8.000.000
Các khoản phải thu khác	684.143.500	100.092.035
	3.142.937.147	2.910.382.265

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.415.693.385	9.968.400.375
Công cụ, dụng cụ	503.957.061	726.930.051
Hàng hóa	464.060.186	458.631.572
Tổng cộng	16.383.710.632	11.153.961.998
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	16.383.710.632	11.153.961.998

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuê biển quảng cáo	1.031.242.700	2.936.169.751
Phí bảo hiểm tài sản	1.376.635.444	362.180.930
Khác	84.345.101	107.619.417
	2.492.223.245	3.405.970.098

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	72.302.862.338	410.357.932.765	1.669.857.845	2.773.270.160	487.103.923.108
Mua sắm mới	259.615.751	244.500.000	-	1.655.000.000	2.159.115.751
Xây dựng cơ bản hoàn thành	1.162.657.987	15.869.476.248	-	-	17.032.134.235
Bàn giao cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa Lòng Miền Nam (i)	(34.683.016.820)	-	-	-	(34.683.016.820)
Tại ngày 31/12/2014	39.042.119.256	426.471.909.013	1.669.857.845	4.428.270.160	471.612.156.274
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	2.787.421.776	113.838.695.779	681.661.976	2.171.145.065	119.478.924.596
Khấu hao trong năm	2.587.120.911	45.978.084.912	458.828.458	558.562.978	49.582.597.259
Bàn giao cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa Lòng Miền Nam (i)	(714.400.851)	-	-	-	(714.400.851)
Tại ngày 31/12/2014	4.660.141.836	159.816.780.691	1.140.490.434	2.729.708.043	168.347.121.004
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	34.381.977.420	266.655.128.322	529.367.411	1.698.562.117	303.265.035.270
Tại ngày 31/12/2013	69.515.440.562	296.519.236.986	988.195.869	602.125.095	367.624.998.512

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 5.497.830.212 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 3.674.232.990 đồng).

(i) Phản ánh nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình là Trụ sở các Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (PVGAS D) và Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Hóa lỏng Miền nam (PVGAS S) tại thành phố Vũng Tàu đã hoàn thành, bàn giao cho Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Hóa lỏng Miền Nam trên cơ sở Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số 28/2010/KTA-GAS S/QLDA ngày 08 tháng 12 năm 2010 giữa PVGAS D và PVGAS S.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	45.545.065.586	3.069.949.600	68.800.000	48.683.815.186
Mua trong năm	-	322.185.000	-	322.185.000
Tại ngày 31/12/2014	45.545.065.586	3.392.134.600	68.800.000	49.006.000.186
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	-	1.639.475.347	63.066.668	1.702.542.015
Khấu hao trong năm	-	624.482.114	5.733.332	630.215.446
Tại ngày 31/12/2014	-	2.263.957.461	68.800.000	2.332.757.461
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2014	45.545.065.586	1.128.177.139	-	46.673.242.725
Tại ngày 31/12/2013	45.545.065.586	1.430.474.253	5.733.332	46.981.273.171

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 341.649.600 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 272.849.600 đồng).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Hệ thống phân phối khí thấp áp Khu công nghiệp Tiền Hải - Thái Bình	14.446.470.052	4.266.939.786
Khác	395.322.836	735.680.284
	14.841.792.888	5.002.620.070

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền thuê đất	11.892.740.370	-
Chi phí quảng cáo	3.850.000.001	-
Chi phí công cụ dụng cụ	9.482.058.260	9.983.094.006
Chi phí khác	2.639.659.420	746.212.120
	27.864.458.051	10.729.306.126

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	2.096.807.619.293	1.473.761.910.164
Khác	9.116.335.821	4.528.329.364
	2.105.923.955.114	1.478.290.239.528

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.144.972.225	2.046.162.287
Thuế thu nhập cá nhân	704.342.607	1.049.135.551
	5.849.314.832	3.095.297.838

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	Tại ngày 31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	35.547.757.181	35.547.757.181	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.046.162.287	48.315.161.882	45.216.351.944	5.144.972.225
Thuế thu nhập cá nhân	1.049.135.551	5.820.736.997	6.165.529.941	704.342.607
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	32.072.400	32.072.400	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	3.095.297.838	89.719.728.460	86.965.711.466	5.849.314.832

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải trả dự án cải tạo trạm LGDS Nhơn Trạch để cấp khí cho nhà máy Bình Khí của PVGas S tại KCN Nhơn Trạch cho Công ty Cổ phần Xây Lắp và Thương mại kỹ thuật Thăng Long	1.720.000.000	-
Phải trả Hợp đồng bảo hiểm con người mức trách nhiệm cao PVI Care cho Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Vũng Tàu	956.963.450	-
Phải trả Công trình mở rộng, cải tạo văn phòng làm việc Công ty cho Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Nam Hưng	757.197.500	-
Phải trả Công trình Nhơn Trạch - Giai đoạn 1 cho Công ty Cổ phần Bọc Ống Dầu khí Việt Nam	-	8.491.990.991
Phải trả Công trình Văn phòng trụ sở các Công ty PVGasD - PVGas S tại Vũng Tàu cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	-	4.864.967.921
Phải trả phóng thoi kiểm tra ăn mòn tuyến ống khí 14" Phú Mỹ Gò Dầu - Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Dịch vụ khí	-	3.808.800.000
Phải trả Công trình hệ thống phân phối khí cho Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	-	2.495.270.638
Phải trả về dịch vụ kiểm tra, đánh giá hệ thống tuyến ống Phú Mỹ - Mỹ Xuân - Gò Dầu giai đoạn 1 cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trung Tín Á Châu	-	1.450.000.000
Phải trả dự án Hiệp Phước cho Công ty Cổ phần Bọc Ống Dầu khí Việt Nam	-	797.686.663
Phải trả Công trình xây dựng hệ thống phân phối khí thấp áp tại Nhơn Trạch cho Công ty TNHH MTV Tư vấn quản lý Dự án Điện lực Dầu khí 2	-	561.190.856
Các công trình khác	2.005.751.839	437.668.655
	5.439.912.789	22.907.575.724

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải trả Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	-	11.374.000.000
Cổ tức phải trả (i)	46.176.374.500	726.374.500
Phải trả, phải nộp khác	968.623.700	981.838.831
	47.144.998.200	13.082.213.331

(i) Bao gồm khoản phải trả cổ tức năm 2012 cho các cổ đông chưa lưu ký và khoản phải trả cổ tức cho PVGas theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐQT/2014 ngày 25/10/2014 về việc thông qua cổ tức lần 1 năm 2014 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15% vốn điều lệ.

19. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Công ty được hình thành trên cơ sở trích lập 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo hướng dẫn tại Nghị định số 95/2014/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014 quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	429.000.000.000	-	-	335.832.582.837	42.896.731.029	6.000.000.000	182.030.872.654	995.760.186.520
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	209.099.579.322	209.099.579.322
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	84.190.000.000	-	-	(84.190.000.000)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(9.046.681.338)	(9.046.681.338)
Trích Quỹ thưởng Ban Điều hành	-	-	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-	-	-	6.450.000.000	(6.450.000.000)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(171.600.000.000)	(171.600.000.000)
Tại ngày 31/12/2013	429.000.000.000	-	-	420.022.582.837	42.896.731.029	12.450.000.000	119.543.770.638	1.023.913.084.504
Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ (i)	116.133.340.000	153.050.000	-	-	-	-	-	116.286.390.000
Cổ phiếu thưởng (i)	54.866.660.000	-	(9.550.000)	(54.866.660.000)	-	-	-	(9.550.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	165.494.240.578	165.494.240.578
Trích Quỹ đầu tư phát triển (ii)	-	-	-	70.200.000.000	-	-	(70.200.000.000)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Trích Quỹ thưởng Ban Điều hành (ii)	-	-	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Chia cổ tức (iii)	-	-	-	-	-	-	(132.898.567.500)	(132.898.567.500)
Tại ngày 31/12/2014	600.000.000.000	153.050.000	(9.550.000)	435.355.922.837	42.896.731.029	12.450.000.000	71.639.443.716	1.162.485.597.582

(i) Theo Nghị quyết số 03/NQ - ĐHCĐ/2013 ngày 16 tháng 01 năm 2014, Công ty đã phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 429 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng trong Quý III năm 2014. Phương thức phát hành bao gồm 5.485.711 cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ Quỹ đầu tư phát triển; 11.613.334 cổ phiếu cho Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần, cán bộ công nhân viên và cổ đông hiện hữu; và 955 cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống đến hàng đơn vị phần cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ và trả tương ứng cho cổ đông bằng tiền mặt.

(ii) Trong năm, Công ty đã trích lập Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 70.200.000.000 đồng, Quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền 10.000.000.000 đồng và Quỹ thưởng Ban Điều hành với số tiền 300.000.000 đồng

từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 28 tháng 4 năm 2014.

(iii) Theo Nghị quyết số 01/NQ – ĐHCĐ/2014 ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Công ty đã chia cổ tức đợt 3 năm 2013 với số tiền là 42.900.000.000 đồng (tương đương với 1.000 đồng/cổ phần).

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 28/NQ-HĐQT/2014 ngày 25 tháng 10 năm 2014, Công ty đã tạm ứng cổ tức lần 1 từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 bằng tiền mặt với số tiền 89.998.567.500 đồng (tương đương với 1.500 đồng/cổ phần).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Thông tin chi tiết về vốn góp của các cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Số vốn thực góp tại ngày 31/12/2014		Số vốn thực góp tại ngày 31/12/2013	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	303.000.000.000	50,50	216.645.000.000	50,50
Các cổ đông khác	297.000.000.000	49,50	212.355.000.000	49,50
	600.000.000.000	100,00	429.000.000.000	100,00

Cổ phiếu:

	31/12/2014	31/12/2013
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	60.000.000	42.900.000
+ Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	42.900.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	955	-
+ Cổ phiếu phổ thông	955	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	59.999.045	42.900.000
+ Cổ phiếu phổ thông	59.999.045	42.900.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Trong năm, Công ty chỉ kinh doanh một mặt hàng duy nhất là khí thấp áp (khí tự nhiên) bằng đường ống và chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh nào khác ngoài lĩnh vực kinh doanh khí thấp áp và khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014	2013
	VND	VND
Doanh thu bán khí	6.963.946.197.957	6.421.312.077.687
Doanh thu cung cấp dịch vụ	990.015.452	828.097.109
	6.964.936.213.409	6.422.140.174.796

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2014	2013
	VND	VND
Giá vốn bán khí	6.476.470.069.909	5.902.791.887.424
Giá vốn cung cấp dịch vụ	481.155.664	297.886.800
	6.476.951.225.573	5.903.089.774.224

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty là lãi tiền gửi có kỳ hạn và không có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại.

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2014	2013
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	213.809.402.460	281.270.114.060
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: các khoản thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	5.804.969.728	147.000.000
- Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	108.000.000	147.000.000
- Chi bảo hiểm vượt mức	3.755.564.550	-
- Chi phí khác	1.941.405.178	-
Thu nhập tính thuế	219.614.372.188	281.417.114.060
Thuế suất thông thường	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung	-	1.816.256.224
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	48.315.161.882	72.170.534.738

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2014	2013
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	165.494.240.578	209.099.579.322
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	53.253.766	48.385.711
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.108	4.322

Trong năm 2014, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu thưởng với số cổ phiếu tăng thêm là 5.486.666 cổ phần. Do vậy, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2013 được xác định lại là 4.322 đồng/cổ phần (số trình bày trên báo cáo năm 2013 là 4.874 đồng/cổ phần).

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí mua khí	6.476.470.069.909	5.902.791.887.424
Chi phí nhân viên	51.681.860.801	46.387.635.408
Chi phí dụng cụ đồ dùng	9.517.880.823	4.963.731.650
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.498.411.854	42.245.535.712
Chi phí thuê tài sản cố định	60.010.850.004	60.010.850.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.621.154.370	17.975.601.676
Chi phí thuê văn phòng	5.712.095.376	5.872.208.346
Chi phí quảng cáo	8.143.201.050	7.851.691.929
Chi phí thưởng an toàn	4.288.721.925	1.639.588.884
Chi phí khác	88.847.770.828	75.156.033.908
	6.771.792.016.940	6.164.894.764.941

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm phần vốn chủ sở hữu (vốn góp của các cổ đông, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.963.089.393.092	927.255.755.668
Phải thu khách hàng và phải thu khác	985.195.909.785	1.116.440.823.825
Tổng cộng	2.948.285.302.877	2.043.696.579.493
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	2.152.624.893.128	1.490.594.937.306
Chi phí phải trả	5.439.912.789	22.907.575.724
Tổng cộng	2.158.064.805.917	1.513.502.513.030

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh toán.

Rủi ro thị trường

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro tài chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá, lãi suất và sự thay đổi về giá cả của hàng hóa.

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.963.089.393.092	-	1.963.089.393.092
Phải thu khách hàng và phải thu khác	985.195.909.785	-	985.195.909.785
	2.948.285.302.877	-	2.948.285.302.877
31/12/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	2.152.624.893.128	-	2.152.624.893.128
Chi phí phải trả	5.439.912.789	-	5.439.912.789
	2.158.064.805.917	-	2.158.064.805.917
Chênh lệch thanh khoản thuần	790.220.496.960	-	790.220.496.960

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	927.255.755.668	-	927.255.755.668
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.116.440.823.825	-	1.116.440.823.825
	2.043.696.579.493	-	2.043.696.579.493
31/12/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.490.594.937.306	-	1.490.594.937.306
Chi phí phải trả	22.907.575.724	-	22.907.575.724
	1.513.502.513.030	-	1.513.502.513.030
Chênh lệch thanh khoản thuần	530.194.066.463	-	530.194.066.463

Ban Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2014	2013
	VND	VND
Mua hàng	6.585.697.662.616	6.157.314.368.906
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	6.544.674.790.514	5.973.648.087.835
- Mua khí	6.476.470.069.909	5.902.791.887.424
- Thuê văn phòng	5.712.095.376	5.399.887.896
- Thuê công trình "Hệ thống phân phối khí thấp áp giai đoạn 2"	60.010.850.004	60.010.850.004
- Chi phí ăn trưa	366.008.190	311.133.553
- Chi phí tiền điện	233.308.295	156.064.155
- Công ty Tư vấn Quản lý dự án Khí	370.818.159	945.955.712
- Công ty Dịch vụ khí	1.511.640.581	4.032.309.091
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	23.170.067.488	83.221.622.322
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	797.367.369	34.955.002.634
Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ PVI Sun Life	4.921.000.000	36.690.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí - Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Phía Nam	1.234.852.380	1.229.195.224
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí - Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Vũng Tàu	1.367.090.643	1.278.816.252
Công ty Cổ phần Công nghệ An toàn Dầu khí Việt Nam	620.636.400	1.248.465.840
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống bể chứa Dầu Khí	734.661.818	5.784.630.051
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	1.109.160.000	1.409.303.917
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	2.812.701.141	6.081.287.920
Công ty TNHH MTV Tư vấn Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí 2	-	561.190.856
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam	620.636.400	24.852.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	-	1.683.572.566
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	1.120.238.693
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam	-	1.843.339.511
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	3.569.095.834	6.428.357.825
Công ty cổ phần chứng khoán dầu khí - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	43.035.504	46.771.710
Công ty cổ phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2	22.567.125	20.133.750
Công ty Cổ phần Công nghệ Dầu khí	-	39.500.000
Bán hàng	1.210.097.692.685	1.081.049.942.031
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	741.971.364.141	675.657.783.907
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	468.126.328.544	405.392.158.124
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	4.670.742.788	3.494.479.341

Số dư với các bên liên quan chủ yếu tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu khách hàng	412.284.673.125	329.870.333.759
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	314.662.384.751	257.198.835.538
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	97.622.288.374	72.671.498.221
Phải thu khác	2.158.012.546	1.652.845.785
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	1.508.969.046	1.652.845.785
Công ty Cổ phần Bọc Ống Dầu khí Việt Nam	649.043.500	-
Trả trước cho người bán	49.587.049.350	13.282.484.728
Công ty Cổ phần Bọc Ống Dầu khí Việt Nam	-	6.455.057.097
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	4.811.281.851	4.986.702.672
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	-	1.818.485.159
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam	22.239.800	22.239.800
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam	12.459.260.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu Khí biển PTSC	32.294.267.699	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.431.477.035	2.431.477.035
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.409.856.435	1.409.856.435
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	1.021.620.600	1.021.620.600
Phải trả người bán	2.098.923.979.794	1.476.543.764.291
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	2.096.807.619.293	1.473.761.910.164
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.655.907.000	-
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	1.232.262.562
Công ty Cổ phần Công nghệ An toàn Dầu khí Việt Nam	-	524.904.107
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	221.760.000	447.700.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	238.693.501	574.772.745
Công ty Cổ phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2	-	2.214.713
Chi phí phải trả	956.963.450	18.524.636.431
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Dịch vụ khí	-	3.808.800.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí - Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Vũng Tàu	956.963.450	-
Công ty TNHH MTV Tư vấn quản lý Dự án Điện lực Dầu khí 2	-	561.190.856
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	-	4.864.967.921
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	-	9.289.677.654
Phải trả, phải nộp khác	45.450.000.000	11.374.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	-	11.374.000.000
- Phải trả tiền góp vốn đầu tư	-	11.374.000.000
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	45.450.000.000	-
- Phải trả cổ tức	45.450.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

30. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Ngày 18 tháng 8 năm 2009, Công ty đã ký Hợp đồng thuê tài sản số 120/2009/PV GAS-TC-PV GAS D/D4 với Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần) để thuê Hệ thống khí thấp áp giai đoạn 2. Số tiền thuê hàng tháng là 5.000.904.167 đồng kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2008.

Ngày 01 tháng 12 năm 2011, Công ty đã ký Hợp đồng số 314/HĐ/PVGAS/DAD-PVG.D/D4, phụ lục số 05 ngày 19 tháng 02 năm 2014 với thời hạn 02 năm kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2013, và phụ lục số 06 ngày 18 tháng 11 năm 2014 với thời hạn 13 tháng kể từ ngày 18 tháng 11 năm 2014, với Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần để thuê văn phòng tại tòa nhà PVGas Tower, giá thuê hàng tháng là 474.863 đồng/m².

Cam kết mua hàng

Theo Hợp đồng mua bán khí số 70/2012/PVGAS/HĐK-PVGAS D/B1 ngày 16 tháng 3 năm 2012, Phụ lục bổ sung số 07 ngày 16 tháng 4 năm 2014 giữa Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần và Công ty có thời hạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá mua khí từ Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần áp dụng trong năm 2014 là từ 8,53 Đô la Mỹ/MMBTU đến 13,41 Đô la Mỹ/MMBTU (giá mua khí áp dụng trong năm 2013 từ 11,6 Đô la Mỹ/MMBTU đến 12,77 Đô la Mỹ/MMBTU). Giá mua khí các năm tiếp theo sẽ được thỏa thuận lại khi kết thúc năm tài chính.

Cam kết vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có các khoản cam kết vốn liên quan tới một số công trình đầu tư xây dựng cơ bản lớn đang thực hiện chưa hoàn thành như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Dự án phân phối khí thấp áp Khu công nghiệp Tiền Hải - Thái Bình	194.560.994.093	-
Dự án phân phối khí thấp áp cho Khu công nghiệp Phú Mỹ 3	339.988.727	-
Dự án phân phối khí thấp áp Khu công nghiệp Hiệp Phước	122.435.400	5.276.049.958
Dự án phân phối khí thấp áp cho các khu Công nghiệp huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai - Giai đoạn 1	-	24.388.703.741
Văn phòng điều hành Công ty tại thành phố Vũng Tàu	-	6.600.896.284
Dự án hệ thống cung cấp khí cho khách hàng Thép Nhà Bè	-	144.571.099

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 01 năm 2015, Công ty đã công bố Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 04/NQ-HĐQT/2015 và Quyết định số 03/QĐ-HĐQT/2015 về việc thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - Xí nghiệp Khí thấp áp miền Bắc, là đơn vị trực thuộc Công ty, hạch toán phụ thuộc theo phân cấp tại Quy chế tài chính được giao, có con dấu và bảng cân đối kế toán.

32. THÔNG TIN KHÁC

Ngày 26 tháng 11 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT/2013 về việc bán tài sản cố định là căn biệt thự tại khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, thành phố Hà Nội trong năm 2014. Nguyên giá của tài sản và giá trị còn lại của tài sản này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 lần lượt là 46.442.270.293 đồng và 598.136.479 đồng.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Lương Thị Kim Dung
Người lập biểu

Ngày 02 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Phương Thúy
Kế toán trưởng

Trần Thanh Nam
Giám đốc

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

96 Văn hóa doanh nghiệp và trách nhiệm cộng đồng
100 Phát triển bền vững



6 VĂN HÓA DOANH NGHIỆP VÀ TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG



VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp được Công ty rất chú trọng và xem là tài sản vô giá trong quá trình phát triển bền vững. Với chính sách và kinh phí của Công ty, Công đoàn thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trong doanh nghiệp thông qua các phong trào hoạt động TDTT, giao lưu văn hóa với các Cơ quan, Đơn vị bạn.



HOẠT ĐỘNG ĐOÀN THỂ VÀ TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG

Với tinh thần luôn phấn đấu hoàn thành mục tiêu kế hoạch SXKD, nhưng PV GAS D không quên đặt kế hoạch vào những trọng tâm công tác xã hội và phong trào, cũng như chăm lo cải thiện đời sống vật chất tinh thần cho toàn thể CBCNV tại Công ty.

» Đảng bộ thường xuyên, kịp thời phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của các cấp ủy đảng đến từng cán bộ đảng viên, bên cạnh đó Đảng bộ còn chỉ đạo chính quyền căn cứ vào chương trình hành động của PV GAS và căn cứ

vào tình hình thực tế của Công ty để xây dựng, cụ thể hóa và phổ biến, quán triệt, lãnh đạo triển khai thực hiện tốt các chương trình hành động của Tập đoàn và PV GAS. Ngoài ra, Đảng bộ Tổ chức Hội nghị Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh theo chủ đề của năm 2014.

» Đoàn Thanh niên Công ty tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết, học tập, rèn luyện nâng cao trình độ, nghiệp vụ chuyên môn góp phần nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty, ngoài ra còn tích cực tham

gia công tác thể thao, văn nghệ của PV GAS và Công ty.

» Công đoàn Công ty phối hợp chặt chẽ với chính quyền trong công tác tổ chức tuyên truyền giáo dục, xây dựng đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động.

» Về công tác an sinh xã hội: Tích cực hưởng ứng, tham gia công tác từ thiện, an sinh xã hội như thăm và tặng quà nhân dịp tết Giáp Ngọ cho các hộ dân nghèo ở xã Phước An, Nhơn Trạch, Đồng Nai, thăm và tặng quà cho các

cháu thiếu niên nhi đồng có hoàn cảnh khó khăn nỗ lực vươn lên trong học tập và đạt thành tích cao trong năm học 2013-2014 tại xã Tân Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.



VỚI TINH THẦN LUÔN PHẤN ĐẤU HOÀN THÀNH MỤC TIÊU KẾ HOẠCH SXKD, NHƯNG PV GAS D KHÔNG QUÊN ĐẶT KẾ HOẠCH VÀO NHỮNG TRỌNG TÂM CÔNG TÁC XÃ HỘI VÀ PHONG TRÀO, CŨNG NHƯ CHĂM LO CẢI THIỆN ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT TINH THẦN CHO TOÀN THỂ CBCNV TẠI CÔNG TY.





TRONG KINH DOANH, PV GAS LUÔN CỐ GẮNG THỎA MÃN CÁC YÊU CẦU CỦA KHÁCH HÀNG TRONG KHẢ NĂNG CÓ THỂ TRÊN CƠ SỞ TÔN TRỌNG CÁC TIÊU CHUẨN VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG. CÔNG TY HOẠT ĐỘNG KINH DOANH SONG HÀNH VỚI NGĂN NGỪA CÁC THIẾT HẠI VỀ CON NGƯỜI, TÀI SẢN VÀ MÔI TRƯỜNG. CỤ THỂ ĐƯỢC THỂ HIỆN TRONG VIỆC CHĂM SÓC SỨC KHỎE CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN, ÁP DỤNG ĐẦY ĐỦ CÁC BIỆN PHÁP AN TOÀN TRONG SẢN XUẤT VÀ HƯỚNG TỚI MỘT MÔI TRƯỜNG THÂN THIỆN TRÊN CƠ SỞ TUÂN THỦ CHẶT CHẼ LUẬT PHÁP CỦA VIỆT NAM VÀ QUỐC TẾ.



MÔI TRƯỜNG

Công ty kinh doanh sản phẩm dịch vụ liên quan đến khí thiên nhiên (khí thấp áp, CNG, LNG, LPG...) là dạng nhiên liệu sạch, thân thiện với môi trường. Trên thế giới, khí thiên nhiên được dùng phổ biến rộng rãi cung cấp khoảng 25% năng lượng trong mọi lĩnh vực. Ở Việt Nam, khí là dạng nhiên liệu mới có nhiều lợi thế vượt trội về phương diện công nghệ, môi trường và kinh tế so với các nhiên liệu truyền thống khác. Xét về phương diện môi trường, sử dụng khí thấp áp sẽ giảm thiểu được tác động ô nhiễm môi trường, hàm lượng khí thải CO_x, SO_x và NO_x ở mức thấp hơn nhiều so với đốt cùng một lượng nhiên liệu khác. Trong các loại nhiên liệu hóa thạch, khí thấp áp thân thiện nhất với môi trường.



QUẢN TRỊ RỦI RO

Trong năm 2014, Công ty đã triển khai các chương trình hoạt động để quản trị rủi ro:

- » Triển khai chương trình huấn luyện nhận thức an toàn (STOP) để mọi người cùng quan sát, góp ý, trao đổi kiến thức an toàn với nhau, nêu giải pháp cụ thể nhằm tăng hành vi an toàn, giảm thiểu hành vi không an toàn và tình trạng không phù hợp của thiết bị. Định kỳ tháng/quý/năm có đánh giá, khen thưởng các cá nhân và tập thể thực hiện tốt công tác nhận thức an toàn.
- » Ứng dụng quản trị thông tin qua Phần mềm BES (trong hoạt động văn phòng) và phần mềm MAXIMO (trong hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng).
- » Mua Bảo hiểm cho toàn bộ tài sản Công ty, bảo hiểm xây dựng công trình.
- » Lập các phiếu theo dõi hành động khắc phục phòng ngừa, biên bản điều tra tai nạn sự cố để đánh giá rủi ro, thống kê tổn thất, phân tích nguyên nhân và đề ra các biện pháp xử lý khi có sự cố xảy ra.
- » Công ty luôn tăng cường công tác an toàn, an ninh tại các trạm khí và hành lang an toàn tuyến ống, đồng thời phối hợp với công an, chính quyền địa phương bảo vệ an ninh công trình khí, đặc biệt vào các dịp lễ, tết và mùa khô.
- » Tổ chức Hội thảo PCCC; Tổ chức kiểm tra an toàn định kỳ, đột xuất trên toàn hành lang an toàn tuyến ống, tại các trạm của Công ty cũng như tại các trạm của khách hàng; Tuyên truyền, tập huấn công tác an toàn đến các hộ dân sống xung quanh khu vực tuyến ống; Kết hợp việc sửa chữa – bảo dưỡng trong thời gian tạm ngừng cấp khí để không ảnh hưởng đến sản lượng của Công ty cũng như việc sản xuất của khách hàng.
- » Trong năm 2014 công tác an ninh, an toàn được đảm bảo, không để sự cố đáng tiếc nào xảy ra, gây thiệt hại cho con người và tài sản cũng như uy tín của Công ty.



QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Để bảo đảm chất lượng sản phẩm, dịch vụ Công ty đã và đang áp dụng **Hệ thống quản lý tích hợp An toàn – Chất lượng – Môi trường (AT-CL-MT)**, hệ thống này ngày càng phát huy hiệu quả, góp phần vào thành công chung của Công ty. Trong năm 2014, đã đạt được những kết quả như sau:

- » 100% các đơn vị đã áp dụng, duy trì và cải tiến liên tục Hệ thống quản lý AT-CL-MT và đã được các tổ chức chứng nhận quốc tế TUV thực hiện đánh giá và tái cấp chứng chỉ đến tháng 8/2017.
- » Công tác bảo dưỡng sửa chữa (BDSC) hoàn thành kế hoạch, bảo đảm an toàn, chất lượng và tiến độ.

- » Hoàn thành cấp chứng chỉ thực hành tốt 5S theo đúng mục tiêu đề ra.
- » Hệ thống khí vận hành an toàn, ổn định, liên tục, đảm bảo cung cấp khí tối đa cho các hộ tiêu thụ.
- » Công tác kiểm soát an toàn trong vận hành và BDSC được đảm bảo. Số giờ làm việc an toàn trong toàn Công ty năm 2014 là 403.392 giờ.
- » Không có vi phạm hành lang tuyến ống.
- » Không có tai nạn lao động, không để xảy ra sự cố làm gián đoạn sản xuất hoàn toàn, gây thiệt hại về con người, tài sản, môi trường.





**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà PV GAS Tower
673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè,
Thành phố Hồ Chí Minh.
Tel : (84.8) 3784 0386 - Fax: (84.8) 3784 0446
Email: info@pvgasd.com.vn

www.pvgasd.com.vn